

8°
INDO-CHINOIS
902

集全貧稿

CẢO THƠM TOÀN TẬP

(Sách này chia làm ba tập:

Tập thơ phú, tập văn, câu đối và tập bài hát ả đầu
của các bậc danh nhân nước ta).

HẢI-NAM

ĐOÀN-NHU-KHUÊ BIÊN TẬP

Hiệu sách Quảng-Thịnh — 115, Hàng Gai, Hanoi
Xuất bản

IN LẦN THỨ NĂM

Giá: 0\$40



HANOI
In tại Ngô-tử-Hạ Ẩn-quán
101, Hàng Gai, 101

1929

DEPOT LEGAL
INDOCHINE
No 10/96

Deux exemplaires
Dépôt Légal
Hanoi 17 - 3.29

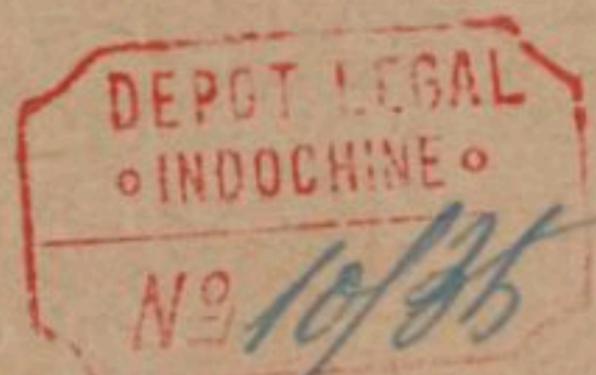


CẢO-THƠ'M TOÀN-TẬP

TẬP THƠ



THƠ BÁN THAN



Một gánh kiền khôn quây tếp ngàn,
Hỏi rằng gì đó? dạ rằng than!
Đòi no miễn được đồng tiền tốt,
Hơn thiệt bao nài gốc củi tàn!
Muốn giữ lửa hương cho vẹn kiếp,
Thử xem vàng đá có bền gan?
Toan từ nhem nhuộm thay nghề khác,
Lại sợ giới kia thiếu kẻ hàn.

Tiêu dẫn

Bài này của ông Trần-khánh-Dur đời nhà Trần, ông làm quan bị mất chức, vào rừng đốt than. Một ngày vua Trần Nhân-tôn lánh giặc Nguyên, qua bên đó Bình-ly (huyện Chí-linh) bắt gặp, vua thấy gánh than, ra ngay cho bài thơ tức cảnh, ông ấy làm bài thơ này, vua khen lại phục chức cho làm Phó-đô tướng-quân, cho theo đi đánh giặc, có công sau lại làm nên được một bậc trung-hưng danh-tướng

HỎI CÔ BÁN CHIẾU

Ả ở đâu ta bán chiếu gọn?
Chẳng hay chiếu ấy hết, hay còn?

Xuân thu phỏng độ bao nhiêu tuổi?
Đã có chồng chưa, được mấy con?

Bài họa lại

Tôi ở Tây hồ bán chiếu gon,
Cớ chi ông hỏi hết, hay còn?
Xuân thu tuổi mới giăng tròn lẽ,
Chồng còn chưa có, có chi con.

Tiêu dẫn

Bài thơ trên của ông Nguyễn-Trãi, khi ông đã làm quan đời vua Lê. Một hôm đi châu về, giờ đã xẩm-xảm tối, gặp một người con gái đi bán chiếu về, nhan sắc tuyệt trần, ông mới đọc bốn 4 câu thơ này. Thơ họa lại tức là của người con gái, tên là Nguyễn-thị-Lộ, ông Trãi thấy người có nhan sắc và biết văn từ, cho về là n nàng hầu. Rồi vua Lê Thái-tôn với làm nữ-học sinh, thường thường được ra vào trong cung. Sau ông Trãi mắc phải tội tru-di, cũng vì nàng ấy. Tương truyền nàng ấy là con rắn hiện hình ra để báo thù khi trước. khi đem chém nàng ta thì thấy con rắn ở trong cũ bỏ ra mới biết là ông Trãi bị oan.)

TẬP THƠ VUA LÊ-THÁNH-TÔN

Sách chép bà Hoàng-hải-hậu trước đi cầu-tự, khi gần sinh ngài, mệt quá, nhập đi; năm chítm-bao lên giờ, thấy đức Thượng-đề sai một vị Tiên-đồng không chịu xuống, Thượng-đề giận, lấy cái hốt bằng ngọc đánh vào trán hơi chảy máu, sức tinh sinh ngài, trán hãy còn ngân vết đỏ.

Ngài thiên-tư thông-minh, và lại ham vé những đường phân điền, ngâm vịnh rất nhiều, thơ quốc-âm càng hay lắm, rất hay là không cứ bài gì cũng làm ra khẩu-khí ngôi thiên-tử được. Xin lục đăng các bài sau này :

NGƯỜI BỒ NHÌN

Quyền trọng ra uy trấn cõi bờ,
Vốn lòng vì nước há vì dưa !
Xét-soi trước mặt đôi vàng ngọc,
Vùng-vẫy trên tay một lá cờ;
Dẹp giống muông chim xa phải lách,
Dễ quân cày cuốc gọi không thừa;
Mặc ai nhầy nhót đường danh lợi,
Ơn nước đầm-đìa hạt móc mưa.

Một câu tam tứ nữa là :

Tay áo phất-phơ cơn gió thổi,
Bồ-hôi lã-chã lúc giờ mưa.

NGƯỜI ĐI XIN

Chẳng phải ăn đong, chẳng phải vay,
Khấp hòa thiên hạ đến ăn mày;
Hạt châu chúa cất trao ngang miệng,
Bê ngọc tôi từng đứng chấp tay;
Nam bắc đông tây đều đến cửa,
Trẻ già giai gái cũng chiềng thầy;
Đến đâu sẵn có lâu đài đấy,
Bốn bề thu về một túi đầy.

THẮNG MỠ

Gớm thay nhơn tiếng lại giải hơi,
Làng nước ưag bầu chẳng phải chơi !
Mộc đặc vang-lừng trong bốn cõi,
Kim-thanh rền-rĩ khắp đời nơi ;
Đâu đâu dấy dấy đều nghe lệnh,
Xã xã dân dân phải cứ nhời ;
Trên dưới quyền hành tay cất đặt,
Một mình một cỗ thỏa lòng xơi.

ĐỀ MIẾU BÀ TRƯƠNG

Ngbi ngút dầu ghềnh tỏa khói hương,
Miếu ai như miếu vợ chàng Trương ?
Ngọn đèn dù tắt đừng nghe trẻ,
Làn nước chi cho lụy đến nàng !
Chứng quả có đôi vàng nhật nguyệt,
Giải oan chi mượn đến đàn trường.
Qua đây mới biết nguồn-cơn ấy,
Khá trách chàng Trương khéo phụ-phàng !

Tiểu dẫn

Miêu bà Trương này còn ở bên sông Hoàng - giang (làng Vũ-điện, huyện Nam-sang, tỉnh Hà-nam) Bà Trương họ Vũ, người làng Vũ-điện, lấy chồng cùng làng, người họ Trương, được nửa năm chồng phải đi lính, lúc chồng đi, bà ta đã có thai, rồi sinh được một đứa con gái đặt tên là Đản.

Ba năm giặc tan chông về. Khi chông về thì mẹ đã mất rồi, đứa con đã bập-bẹ biết nói. Người chông bế con ra thăm mộ mẹ, đứa con khóc, nhất định không theo gọi con bảo rằng: « Con ơi ra với cha, cha vẫn thương con lắm ! » Đứa con nói: « Người cũng là cha ư ? nhưng nay người lại biết nói, khi trước người cha thì không nói, cứ mẹ ngồi thì ngồi, mẹ đi thì đi, đèn tối thì thây đèn ». Chàng Trương sẵn có máu ghen, nghe con nói liền đem lòng ngờ vợ, về đến nhà thét mắng, nói đủ trăm đường xi-nhục, dẫu vợ van lạy thế nào, và trong làng trong họ biện-bạch chừng nào cũng không nghe, mà hỏi ai nói thì nhất định giấu, không bảo là con nói, bà Trương bị trăm đường sấu-khổ, đèn nổi phải gieo mình xuống giữa dòng Hoàng-giang.

Chàng Trương từ khi vợ mất, buồn khuya thanh-vắng một mình, cũng động lòng thương nhớ. Có một đêm đương bế con, thì đứa con chồm vào bức vách oà lên nói rằng: « Kia cha Đản lại đèn kia ! » Vì ngày trước người chông đi vắng, bà Trương cứ chồm vào bóng mình nói dối con rằng người cha đây, nên đứa bé nhận nhầm. Lúc bây giờ chàng Trương mới biết rõ rằng vợ mắc phải tiếng oan, rất là thương xót; nhưng không thể làm thế nào được, mới ra Hoàng-giang lập một đàn để giải oan. Sau vua Lê Thánh-tôn qua đây để bài thơ này (chuyện chép tường ở bộ Chuyện-kỳ-Man-lục).

THÍCH CÂU

« Đền đây mền cảnh mền thấy, »
« Tuy vui đạo Phật chưa khuấy lòng người. »

Ngắm sự trần duyên khéo nực cười !
Tuy vui đạo Phật chưa khuấy người ;
Chầy kèn mấy khắc tan miền tục,
Hồn bướm năm canh lần sự đời,
Bề thăm muôn tầm mong tát cạn,
Sông Ân nghìn trượng dễ khơi vơi ;
Nào nào cực lạc là đâu tá ?
Cực lạc là đây hẳn tỏ mười.

Tiêu dẫn

Vua Thánh-tôn khi ra chơi chùa Ngọc-hổ, thấy trên gác chuông có một người con gái đẹp ngắm rằng : Đền đây v. v. . . » Vua yêu người có tài-tử, cho đòi lại họa thơ, người con gái xin vua làm trước. Vua hỏi đầu bài thi xin lấy ngay câu ngắm trước. Vua làm xong đưa cho người con gái xem, thưa rằng : « Câu thứ ba thứ tư thiệu ý cảnh, xin đổi lại rằng :

Gió thông đưa kệ tan miền tục,
Hồn bướm mơ tiên lần sự đời.

Còn câu thứ 5, 6 thi chữ thăm xin đổi làm chữ khó, chữ sông xin đổi làm chữ nguồn. » Vua khen lắm cho đi kiệu cùng vé, gần đền cung thì thấy mất, mới biết là người tiên. Vua mới sai dựng một đền ở trước cửa cung, gọi là Vọng-tiên quán, nghĩa là nhớ người tiên mà mong mỏi, đến ấy đền nay vẫn hãy còn.

TẬP THƠ

QUAN TRẠNG-NGUYỄN NGUYỄN-BÌNH-KHIÊM

Quan Trạng người làng Trung am, huyện Vinh-lại, tỉnh Hải-dương, đỗ Trạng-nguyên năm thứ 6 niên hiệu Đại-chinh, đời nhà Mạc, làm quan đến Đông-các Đại-học-sĩ, được phong tước Công, sau cáo về, làm nhà nghỉ mát ở làng gọi là am Bạch-vân, thường có tên riêng là Bạch-vân xử-sĩ.

Ngài là học-trò quan Bảng-nhơn Lương - đặc - Bảng truyền thụ được một bộ Thát-ất thân-kinh nên rất tinh về đường Lý-học, suy chắc biết được cả vận-hội mấy trăm năm về trước, mấy trăm năm về sau thường có nhời sâm ký để lại sau rất là linh nghiệm, nhưng bao giờ việc đã qua rồi thì mới biết, thử xem một nhời sâm như là : « Cha con thàng Khả đánh ngã bia tao làng bắt đến tiên tam quán » (nghĩa là ba quan), sau chỗ mộ ngài có cha con thàng Khả đi đào ếch đánh đổ bia thật, làng theo nhời ngài bắt khoán nó ba quan tiền, nhưng nó không có gì, chỉ có một cái thuồng đi đào ếch đem về mãi chỉ được một quan tám thôi, mới biết tam quán nói lái lại thành ra quan tám. Các nhời sâm thì thật rõ mà toàn huyện diệu như thế cả.

Ngài có tập thơ Bạch-vân bằng chữ nho, và một trăm bài thơ quốc-âm để lại, thơ quốc-âm hầu không được hay, nhưng ngài là một nhà triết-lý học, bài nào cũng có ý khuyên dẫn đời, cũng là những bài cách-ngôn của bậc danh nhân trong nước. Xin lục mấy bài sau này.

Bài thứ 42 trong 100

Chớ chê người ngắn, cậy ta dài.
Dù kém dù hơn ai mặc ai;
Mùi nọ có bụi không có ngọt;
Mẫu kia càng thắm lại càng p' ai,
Đã hay phận định đành yên phận,
Dẫu có tài hơn chớ cậy tài!
Quân-tử ngẫm xem cơ xuất xử,
Ắt là khôn hết cả hòa hai.

Bài thứ 77

Thế-gian biến đổi khéo lời-thời,
Mặn, nhạt, chua, cay với ngọt-bùi!
Còn bạc còn tiền còn đệ-tử,
Hết cơm hết rượu hết ông tôi.
Xưa nay đều trọng người chân-thực,
Thiên-hạ ai ưa kẻ dãi bôi!
Xem kỹ mới hay người bạc ác,
Giàu thì tìm đến, khó tìm lui.

CÙNG SANG CHUYỂN ĐÓ SÔNG TAM-KỶ

Một hòm kinh sử, níp kim-cương,
Người, tớ cùng sang một chuyến dương;
Đám hội đàn chay, người đứng-dĩnh,
Ngôi cao chức trọng, tớ nghênh-ngang!
Sao người chả nhớ nhờ Hàn-Dũ?
Đây tớ còn cảm truyện Thủy-Hoàng!
Phút chốc lên bờ rồi tiễn biệt,
Người thì nên phật, tớ nên sang,

Tiêu dẫn

Thơ này của ông Lương-hữu-Khánh, con quan Bàng-nhỡn Lương-đắc-Bằng, khi quan Bàng-nhỡn mất, ngài mới sinh, mẹ già nhà nghèo, những người có khí tiết không chịu ra làm quan với nhà Mạc, học hay chữ, ăn khỏe, nhà nghèo không được mấy bữa no. Có một ngày đi sang qua bên đò Tam-kỳ, gặp hai vị Hòa-thượng đi đám chay vé, các Hoà-thượng thấy ông Lương ra ý đố, cho hai ba phẩm oản, ông Lương từ nói rằng: « Học trò nghèo đã chịu đố hai ba hôm nay may gặp các vị Hòa - thượng đem lòng bố thí nhưng cho từng ấy thì không sao đủ được » Các vị cười nói rằng :

« Nếu thực học trò thi thử làm một bài thơ tức cảnh cùng sang một chuyen đò, hễ qua đò xong mà hay thì có bao nhiêu lộc xin đãi cả. » Đò vừa tới bên, thơ xong. Hòa-thượng xem đều nức nở khen, có 70 phẩm oản đãi cả. Ông Lương ngồi ngay dưới thuyền ăn một lúc hết, ai ai cũng lấy làm lạ, sau về giúp nhà Lê nên được nghiệp trung-hung phong làm đại-vương.

THƠ CÁI SÁC PHÁO

Xác không vốn những cạy tay người,
Khôn khéo làm sao buộc cũng rơi ;
Kêu lắm lại càng tan-tác lắm.
Thế nào cũng một tiếng mà thôi !

Tiêu dẫn

Người Nguyễn-Chính khi còn lên 9 tuổi đi học, năm mới đến mừng tuổi thầy, thấy nhặt cái xác pháo cho rơi bắt làm một bài thơ tức cảnh.

Thơ tức cảnh làm xong, thầy xem nói chuyện với bạn rằng: « Gã này ngày sau sự-nghiệp chưa biết chừng nào, nhưng làm loạn trong thiên-hạ hẳn cũng gã này ». Cho về học thầy khác, 16 tuổi đỗ cử-nhân trường văn 18 tuổi vào kỳ đệ tam trường võ, rồi vào thành Bình-định theo Tây-sơn bày mưu kế, Tây-sơn rất tin dùng, phong đến chức Quận-công, sau cậy công quá, đến nổi ghét ghen phải bắt đả-kỹ tử, đúng vớt khẩu-khí bài này.

TẬP THƠ ÔNG ÔN NHƯ TIÊN SINH

Cuối đời nhà Lê có ông tên hiệu là Ôn-Như tiên sinh, thơ quốc-âm rất hay, làm có hai lời: một lời đọc ứng khẩu thi hoạc, một lời trác-luyện kỹ thi hay.

Lời ứng khẩu như bài sau này :

SAI ĐẦY TỠ (tên là Cam) ĐI HÁI HOA

Cam, chóng ra thăm gốc hải-đường,
Hái hoa về để kết làm tràng ;
Những cành với cánh đừng tay nặng,
Mấy đoá còn xanh chớ bẻ quàng !
Mới lại tây-hiên tìm liễn sạ,
Rồi sang đông-viện lấy bình hương ;
Mà về cho chóng đừng thơ-thần,
Kẻo lại rằng chưa dặn kỹ càng.

VỊNH ĐÁM GỪNG, TÔI BỊ MƯA GIÓ ĐỒ

Lỡm-nhỡm vài hàng tôi,
Lơ-thơ mấy khóm gừng ;
Vẽ chi là cảnh mọn,
Mà cũng đến tang-thương !

Lời trác luyện như bài sau này :

VỊNH TRỐNG CANH NĂM

Kế gọi người nằm thiên cổ dậy,
Sương chùm cảnh đứng tứ canh di.

KHÓC VỢ

Đạp cổ kinh ra tìm lấy bóng,
Xếp tàn y lại để dành hơi.

VỊNH CẢNH

Đưa lọt kẽ màn khôn gió dịp,
Luồn qua cửa sổ bóng giăng thâu.

ĐƯA CHO TÌNH NHÂN

Khắc chẳng ra cho, nuốt chẳng vào,
Khối tình cay đắng biết làm sao !
Muốn kêu một tiếng cho to lắm,
Ới hỡi ! ai ơi ! khốn thế nào ?

RẪN MÀ CHẴNG HỌC

Chẳng phải thừa-đuru cũng gọi là,
Rắn mà chẳng học, có ai tha ;
Thẹn đèn hồ-lửa đau lòng mẹ,
Rầy hét mai-gầm rât họng cha !
Ráo mép chỉ quen nhời nói dối,
Lăn lưng cam chịu cái roi cha ;
Từ đây châu lỗ xin về học,
Kéo hồ-mang đeo tiếng thế-gia.

Tiêu dẫn

Đời nhà Lê có ông Nghè, khi còn bé hay chơi không chịu học, cha đánh mắng rằng: «Rần mặt mà không chịu học» nhân lấy câu ấy ra cho bài thơ, bảo hãy làm được, thi tha đò cho, không được thi phải đò, ông Nghè làm bài thơ ấy, mỗi câu dùng một tên con rần.

VỊNH CẢNH TÂY-HỒ

(Bài này đọc xuôi, đọc ngược được)

Bài đọc xuôi

Đây vui thực lạ cảnh Tây-hồ,
Trước tự giới kia khéo vẽ đồ;
Mây ẩn nước xanh màu tử ngọc,
Nguyệt lồng hoa thắm vẽ in châu;
Cây la tán rợp từng cao thấp,
Sóng gợn cầm tâu dịp nhỏ to;
Bầy khéo thú vui non nước đủ,
Tây-hồ giá ấy dễ đàu so.

Bài đọc ngược

So đàu dễ ấy giá hồ Tây,
Đủ nước non vui thú khéo bầy;
To nhỏ dịp tâu cầm gợn sóng,
Thấp cao từng rợp tán la cây;
Châu in vẽ thắm hoa lồng nguyệt,
Ngọc tử màu xanh nước lẫn mây;
Đồ vẽ khéo kia giới tự trước,
Hồ Tây cảnh lạ thực vui đây.

Tiểu dẫn

Cuối đời nhà Lê, vua ra lập đàn tề ở Tây-hồ, sai một ông quan làm bài phú và bài thơ cảnh Tây-hồ, vua có ban cho 20 quan tiền để làm phần thưởng

THƠ CON NGHỀ

(Mỗi câu dùng một con thú)

Có nghề mà lại cậy chi nghề,
Nghề thế ai ngờ lại hóa nghề;
Vạn tội bất như danh cũng hổ,
Nhất văn vô hữu nợ còn bê,
Khoa-danh coi cũng đồ khoe mã
Cờ biển xem như cửa ướn sề,
Bôn tâu làm chi cho rách gấu
Thà rằng ngồi tốt vượt râu dê.

Tiểu dẫn

Ông Nghè Nguyễn đình-Tân người làng Thương-cổ, huyện Gia lộc, tỉnh Hải-dương, khi mới đỗ tiến sĩ, nhà nghèo, đem cả mũ áo lên cầm cho quan Thượng. Lúc bấy giờ quan Thượng Nguyễn-công-Trứ làm Thượng-thư tỉnh ấy, ngài nói rằng: «Bác chỉ khéo làm trò nghề thôi!» nhân lấy ra cho bài thơ, bắt rằng mỗi câu dùng một con thú ông Nghè mới làm bài thơ này, rồi quan Thượng có hậu thưởng.

VỊNH CHIM BỒ CÂU

Cu hời cu hời! bảo cu hay,
Cu ở đường mô, cu tới đây?
Chớ cậy lông son cùng ống sứ,
Có ngày thớt miến với dao phay.

Tiêu dẫn

Ông Nghè Tân khi chưa đỗ, còn đi ngồi dạy học, một hôm quan Thượng hện ra chơi nhà chủ, nhà chủ có một cái sập giữa cao, nhà chủ bảo để nhường quan ngồi, ông Nghè nhất định không nghe, lúc quan Thượng ra, cứ ngồi giữa sập, quan Thượng cũng ngồi đây, hỏi thấy đỗ có biết làm thơ không? ông Nghè thưa: biết làm thơ nôm. Sản trước cửa có lồng chim bồ-câu treo, quan Thượng lấy ra đầu bài, ông Nghè ứng khẩu làm ngay bài thơ ấy, quan Thượng xem, biết là sắc, nhưng hay, phải khen mà thưởng tiền cho.

TẬP THƠ BÀ HUYỆN THANH-QUAN

Bà huyện người làng Nghi-tâm, nay thuộc về huyện Hoàn long gần Hà-nội lấy chồng người huyện Thanh-tri, làng Nguyệt-áng, tên là Lưu-Hân, đỗ cử-nhân Ân khoa năm thứ hai đời vua Minh-Mịnh, làm quan đòa tri-huyện thì bị cách.»

Bà huyện có văn tài, văn hay lắm, mà văn quốc âm lại càng hay, vua nghe tiếng vời vào cung, cho làm nữ giáo-tập, để dạy cung nhân và Công-chúa.

Văn bà rất đứng-dẫn, âm luật hơi giống Đường-thi, kê sau này cũng không mấy nhà văn-sĩ làm bằng. chỉ phải trong một bài thi phần nhiều còn dùng chữ nho nên chưa được gọi là toàn bích.

Xin lục mấy bài sau :

ĐI ĐÒ BUỔI CHIỀU

Thấp thoáng non tiên lác đặc mưa,
Bút thần khôn vẽ thú tiêu-sơ ;
Xanh om cỏ-thụ tròn gương tán,
Trắng xóa tràng-giang phẳng lặng tờ ;
Bầu giốc quan sơn say chập rợp,
Túi nghiêng phong nguyệt nặng vì thơ ;
Biết bao tao khách tình đi lại,
Thấy cảnh này ai chẳng thần thờ.

Một câu thứ 5, 6 nữa :

Còi mục thét giăng miền khoáng-giã,
Chài ngư tung gió quăng bình sa.

GIỜ HỒM NHỚ NHÀ

Chiều giời bãng-lãng bóng hoàng-hôn,
Tiếng dõc xa đưa lãn trống đồn ;
Gác mái, ngư-ông về viễn-phố,
Gõ sừng mục-tử lại cô-thôn ;
Ngàn dâu, gió cuốn chim bay mỗi,
Dậm liễu sương thừa khách bước đồn.
Kẻ chốn trưng-dài người lữ-thứ,
Mấy ai mà kể nỗi hàn-ôn.

QUA NÚI ĐÈO-NGANG

Qua núi đèo-ngang bóng xế tà,
Cỏ cây chen đá, lá chen hoa ;
L om-k lom dưới núi tiêu dãm chú,
Lác-đác bên sông, chợ mấy nhà ;

Luyến chủ, đau lòng con cuốc-cuốc,
Thương người mỗi miệng cái đa-da;
Dừng chân ngảnh lại giới, non, nước,
Một mảnh tình riêng ta với ta

QUA CHÙA TRẦN-BẮC

Trần-bắc hành-cung cỏ dãi dầu,
Khiến người qua đó chệnh lòng đau;
Mấy giò sen héo hơi hương ngự,
Năm thức mây phong nếp áo chầu;
Sóng lớp phế hưng, coi vẫn dợn,
Chuông hồi kim cổ, lắng càng mau.
Người xưa cảnh cũ nào đâu tá?
Khéo ngẩn ngơ! chao lũ trọc đầu

THĂNG-LONG THÀNH HOÀI CỒ

Tạo-hóa gây chi cuộc bi trường,
Đến nay thấm-thoắt mấy phong sương;
Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo,
Ngõ cũ lâu đài bóng tịch-dương;
Đá vẫn bên gan cùng tuế nguyệt,
Nước còn chau mặt mấy tang thương;
Nghìn năm gương cũ soi kim cổ,
Cảnh đây người đây luống đoạn trường!

VUA SAI ĐỀ CÁI CHÉN VÊ SƠN THỦY

Như in thảo mộc giới Nam lại,
Dem cả sớ là đất Bắc sang.

Bà Huyện có câu đối dán tết rằng :

Duyên mấy vắn-chương nên gián chữ,
Nợ gì giới đất phải giống nêu. ⑤

Nghe đầu quan Huyện bị cách cũng vì bà: đầu có một người đàn-bà tên là Nguyễn-thị-Đào kiện chống tình-phụ, quan Huyện đi vắng, bà phê ngay vào đơn rằng :

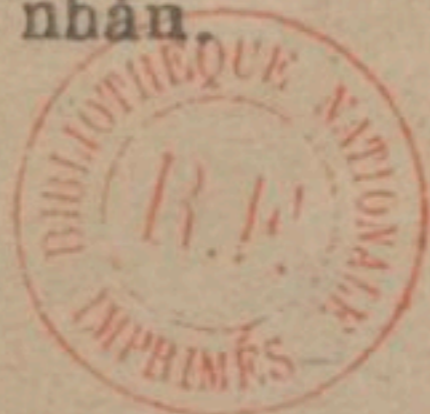
Phó cho con Nguyễn thị-Đào,
Nước trong leo-lẻo cầm sào đợi ai!
Chữ rằng: Xuân bất tái lai,
Cho về kiếm chút, kéo mai nữa già.

Vì bà phê mấy chữ, sau chống Thị-Đào đi thưa, nên quan Huyện phải cách.

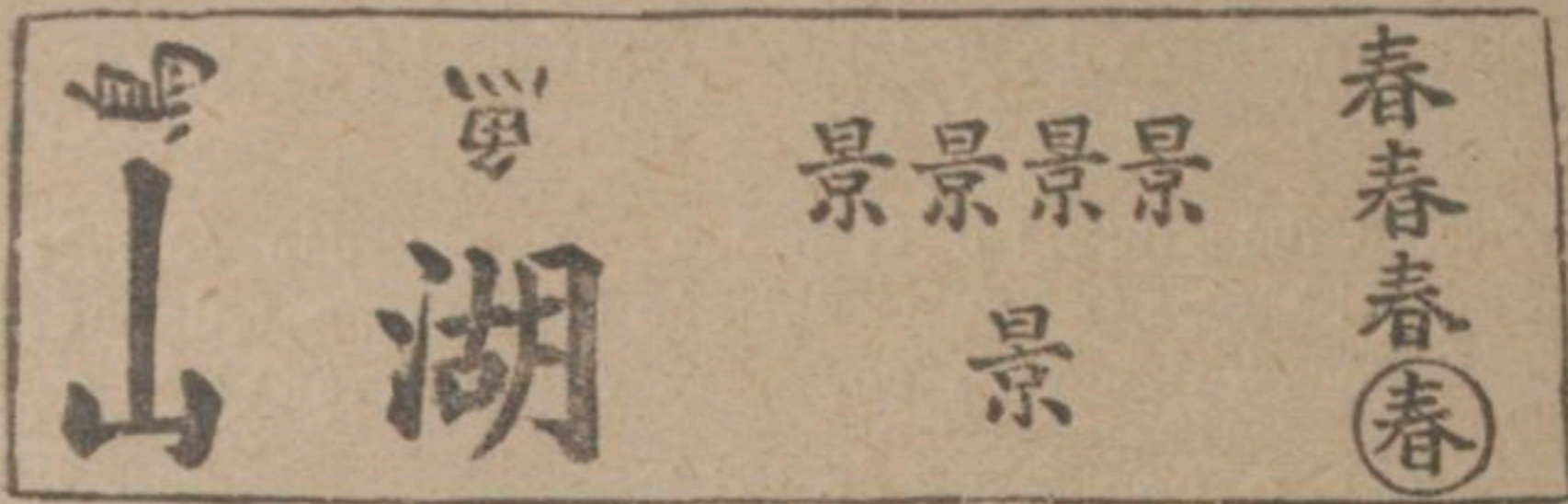
ĐỀ ĐỘNG LIÊN-HOÀ

Quan Phạm-văn-Nghị, người làng Tam - đặng, huyện Đại-an, tỉnh Nam-định, đỗ Hoàng-giáp đời vua Minh-Mịnh thứ 19, làm quan đến Thị-giảng Học-sĩ, sung làm chức Doanh-diễn Chánh-sứ tỉnh Nam-định và Hải-phòng, sau về ẩn ở động Liên-Hoa (Ninh-bình) có để hai bài thơ này :

1. Ta chẳng chêu ai chẳng gheo ai,
Ơn vua về ở động Thiên-thai;
Thiên-thai chỉ có non cùng nước,
Non nước làm vui gác chuyện ngoài.
2. Một gánh cần câu tới thạch bàn,
Cá tuy không được chỉ ngồi gan;
Dù ai xem giở cười không cá, ⑤
Không cá nhưng ông đã được nhàn.



Quan Hoàng-gláp ở nhà có viết chơi mấy chữ treo trên vách như sau này:



Ngài bảo « Hễ ai trông đây mà đọc thành ra bốn câu thơ nôm thì xin thờ làm thầy ». Không ai đọc được cả. Sau có ông thầy ở trong làng đến chơi bảo ngài rằng: « Nghe nói anh có đồ mấy chữ mà không ai đọc được, tưởng câu ấy cũng chả khó gì, để ta đọc cho mà xem », rồi cụ đọc thành bài thơ này:

Ba xuân nhỏ một xuân tròn,
Bốn cảnh bằng nhau một cảnh con;
Hồ rộng thênh-thang ngư lộn ngược.
Non cao chót-vót điều năm ngang.

Các bài thơ không có tên người làm

MUA QUAN-TÀI

Ba vua, bốn chủ, bảy thẳng con,
Thấm thoát xuân thu bảy chục tròn;
Ơn nước chưa đền danh cũng hồ,
Quan-tài sẵn có chết thì chôn;
Giang-hồ, lãng-miếu giờ đôi ngả;
Bị gậy, cân đai dất một hòn;
Cũng muốn sống thêm mười tuổi nữa.
Sợ ông Bành-tổ lỏng đồng môn.

KHÔNG CHỒNG TRÔNG BÔNG LÔNG

(Hạn lầy 5 chữ đầu bài làm 5 vần)

Bực gì bằng gái chực phòng không!
Tơ-tướng vì chung một tấm chồng;
Trên các rờng mây ngao-ngán nhẽ,
Bên giới cá nước ngằn-ngơ trông;
Mua vui lắm lúc cười cười gượng!
Bán mệt đời phen nói nói bông;
Mới biết có chồng như có cánh,
Giang san gánh vác nhẹ bằng lông.

NHỚ BẠN CŨ

Muốn hở môi ra những thẹn-thùng,
Chữ tình ai nữ rút cho xong;
Những người trong cuộc nhiều người lạ,
Mà của trên đời vốn của chung;
Duyên phận ngán cho thân thiếu-nữ,
Tài-hoa gầy cả mặt anh-hùng!
Thôi thôi còn nói làm chi nữa,
Ghen ghét thêm cho truyện có không.

Hai bài vịnh sử:

VỊNH BÀ TRIỆU-ÀU

Không duyên không kiếp cũng không chồng,
Cái nợ trần-hoàn cái nợ chung;
Nhắm mắt rời chân coi tạo-hóa,
Kề vai vất vả gánh non sông;

Sánh cùng hai gái dòng con Lạc,
Thương lấy trăm giai giống họ Hồng :
Mới biết rồng tiên dòng-dõi tốt,
Xui ra nhi-nữ cũng anh-hùng.

VỊNH PHỤC BA TƯỚNG-QUÂN

Trèo non vượt biển tốn bao công,
Một trận hồ Tây chút vẫy-vùng ;
Quắc-thước kheo chi mình tóc trắng,
Cân thoa độ mấy khách quần hồng ;
Gièm^o chề đã chán đầy mâm ngọc,
Công-cán ra chi mấy cột đồng !
Ai muốn chép công ta chép oán,
Công riêng ai đó oán ta chung.

BÀI LÀM CHƠI

Đường mây qua lại vó câu giông,
Chán mặt non sông những thẹn-thùng ;
Mùi thể thử chơi chừng ấy đủ,
Cuộc đời đã biết lúc nào xong ;
Thôi thôi cũng lậy cùng chung-dinh,
Khéo khéo còn rầy với kiếm-cung ;
Lẻo đẻo diên-viên cam một thú.
Hoa đào năm ngoái gió cơn đông.

THÍCH CÂU TỤC-NGŨ

« Ngày xưa anh búng, anh beo,
« Tay cắt chén thuốc, tay đèo mùi chanh ;

« Bảy giờ anh khỏi anh lành,
« Anh đâu duyên mới anh đành phụ tôi ».

Đắng cay dạ thiếp khi xanh mặt,
Mới cũ lòng chàng lúc đỏ da.

THÍCH CÂU

« Mẹ ơi! con đã có thai,
« Con ơi! Mẹ cũng được vài tháng nay ».

Mừng mẹ có con, con có cháu,
Rồi con lên mẹ, mẹ lên bà.

NHỚ BẠN THÂN

Một chén tỉnh, say, cười, nói khóc,
Năm canh thức, ngủ đứng, đi, ngồi.

THÍCH CÂU CHUYỆN KIỀU

« Duyên em dù nời tơ-hồng,
« May ra khi đã tay bông, tay mang ».

Cái thân phận chị đã đành rồi,
Còn chút duyên em những ngậm-ngùi;
Dù nghĩa chàng xưa mà vẹn một,
Âu tình cháu nó cũng bòa hai.

CẢM HOÀI

Còn nước, còn non, còn vũ-trụ,
Có gời, có đất, có vua tôi.

THƠ VOI LẤY VẦN GÀ

Bong bong cồng đánh tiếng xa xa,
Chẳng phải voi xin cuộc một gà.

THƠ CHUÔNG LẤY VẦN UÔNG

Một đàn thẳng ngọng rủ xem chuông,
Nó bảo nhau rằng ấy cái uông.

• Hai bài này dầu không hay gì, nhưng cũng có tài
Tương truyền vẫn ở đời nhà Lê ».

THỜI VẤN

ĐỀ ẢNH NGƯỜI CON GÁI BÊN TÂY

Cô nước nào, da trắng, trắng hung?
Hỏi cô, cô chẳng nói năng cùng!
Nước đời được mấy người như thế,
Mới nửa trên mà đã muốn trông.

Nguyễn Tri-Phủ : Nguyễn-Kế,

PHÚ ĐẮC ĐÃ NGÁN CHO ĐỜI LẠI SÓT HOA

Tài thế mà hoa cũng thế à?
Đau lòng đau lắm nỗi gần xa;
Giang-hồ đã cảm tình lưu-lạc,
Son phấn thêm càng phận sót-xa;

Giờ để chi hoài người thế nhĩ,
Đời còn ai biết nỗi niềm ta!
Phen này chạy giầy năm châu đủ,
Góp lấy vàng chung, đúc lấy nhà.

Cử-nhân : Lương-quí-Lập.

ĐÊM DÀI

Đêm sao đêm mãi tối mò-mò,
Đêm đến bao giờ mới sáng cho?
Con trẻ u-ơ chừng muốn dậy,
Ông già thúng-thắng vẫn dâm ho;
Ngọn đèn ngờ trộm khêu còn bé,
Tiếng chó khinh người cầu vãn to;
Hàng-sóm anh em đã tỉnh chưa?
Tỉnh rồi đánh tiếng gọi làng nho,

THƯƠNG NGHÈO

Cái khó theo nhau mãi thế thôi,
Có ai, hay chỉ một mình tôi;
Bạc đầu ra miệng mà mong được,
Tiền chữa vào tay đã hết rồi;
Van nợ lắm khi tràn nước mắt!
Chạy ăn từng bữa toát mồ-hôi,
Biết giầy thỏ bé ra làm quách,
Chẳng ký không thông cũng cậu bồi,

Tú-lài Từ-diễn-Đồng

TẬP THƠ ÔNG TÚ-XƯƠNG

(Ông Tú tên là Nguyễn-Đô-Xương người làng
Vị-Xuyên (Nam-Định))

BUỒN ĐÊM DÀI

Sực tỉnh trông ra ngõ sáng oà,
Đêm sao đêm mãi thế du à?
Lạnh-lùng bốn bề ba phần tuyết,
Xao-xác năm canh một tiếng gà;
Chim-chóc hầy còn nường cửa tổ,
Bướm ong chưa thấy lượn vườn hoa;
Dù ai có muốn tìm ta đó,
Đánh đuốc soi lên kẻ lẫn nhà.

KHI TÚNG.

Lúc túng toan lên bán cả giới,
Giới cười thảng bé nó hay chơi;
Ô hay công nợ âu là thế,
Mà vườn phong-lưu suốt cả đời;
Tiền bạc phó cho con mụ kiếm,
Ngựa xe chẳng có lúc nào ngơi;
Còn dăm ba chữ nhồi trong ruột,
Khéo khéo không mà nữa cũng rơi.

NHỚ BẠN THÂN

Ta nhớ người xa cách núi sông,
Người xa xa có nhớ ta không?
Sao đương vui vẻ ra buồn bã,
Vừa mới quen nhau đã lạ-lùng;

Lúc nhớ nhớ cùng trong mộng tưởng,
Khi riêng riêng cả đến tình chung ;
Tương-tư chẳng lọ là mưa gió,
Một ngọn đèn xanh trống diêm thùng.

VIẾNG VỢ ANH EM BẠN

Kìa núi Vu-phong mới bắc cầu,
Thương anh về trước, chị về sau !
Tên đề bảng phấn ai không tiếc,
Tiếng khóc non xanh kẻ cũng sầu !
Có mẹ hãy còn vui gượng lại,
Không chông hồ để sống chi âu ;
Bắc thang muốn hỏi ông cầm sỏ,
Thăm-thăm giới xanh ngắt một màu.

NƯỚC LỤT NĂM BÌNH-NGỘ (1905)

Suốt trong một tháng mấy kỳ mưa,
Ruộng hóa ra ao cỏ để bừa ;
Bát gạo Đồng nai câu chuyện cũ,
Con sào Bình -ngộ nhớ năm xưa ;
Trâu, bò buộc căng coi buồn nhĩ !
Tôm, tép vang mình đã xướng chưa ?
Nghe nói miền nam giới đại-hạn,
Sao không san-sẻ nước cho vừa.

TRÔNG BẢNG THI

Mai mà tờ hồng, tờ đi ngay,
Giỗ tết từ đây nhớ lấy ngày ;
Học đã tốn cơm nhưng chữa chín,
Thi không ăn ớt thế mà cay ;

Bút, nghiên giao mặc đàn con trẻ,
Thưng đẩu nhờ lưng một mẹ mày : (vợ buôn gạo)
Cống-hỉ, mét-sì đây thuộc cả,
Không sang bên bắc cũng sang tây.

THƯƠNG NGƯỜI TRÁI DUYÊN

Thương ai mà lại tiếc cho ai,
Ai thế như ai nghĩ cũng hoài;
Kia cái dĩa-tràng xe cát bể,
Mà con chim cú đậu cành mai;
Chẳng qua kiếp trước đường tu vụng,
Nào trắc ba sinh xếp chữ bài;
Non nước thế nguyên thôi xi-xóa,
Quỉ thần nào chứng ở hai vai.

CÔ TÂY ĐI TU

Dứt cái mảy-day ném xuống sông,
Thôi thôi tôi cũng mét sì ông;
Ấu đành chùa đó ấu đành bụi,
Cũng chẳng con chi, cũng chẳng chồng.
Chớ thấy câu kinh mà mặc kệ,
Ai ngờ chữ sắc hóa ra không;
Tôi đây cũng muốn như cô nhỉ!
Cái nợ trần-duyên dũ chữa xong.

HỎI THĂM ÔNG ẤM

Tôi hỏi thăm ông đến tận nhà,
Trước nhà có miếu có cây đa;
Vườn ao đất cát chừng ba thước,
Nửa lá tre-pheo đủ mọi tòa;

Mới sáu bận sinh đã sáu cậu,
Trong hai dinh ở đủ hai bà :
Lung ông mốch thếch như trăn-giò,
Ông được phong lưu tại nước da.

VINH NGƯỜI ĐI THI

Ta thấy người đi ta cũng đi,
Cũng lều, cũng chiếu, cũng đi thi !
Đưa chân vợ tốn mười đồng hẵn,
Sờ bụng thầy không một chữ gì ;
Ơn nước còn nhờ tặng giải ngạch,
Phúc nhà may được miễn tràng qui ;
Xong ba kỳ ấy thêm kỳ nữa,
Ú ớ u âu ngọn bút chì.

ĐAU MẮT

Vui chẳng riêng ai ốm một mình,
Có người, người cũng khéo làm thinh ;
Vừa đồng bạc nhớn ông Lang-Sán,
Lại mấy hào con chú Ích-Sinh ;
Gọi vợ, vợ còn dương chạy gạo,
Tìm con, con cũng mãi chơi đình ;
Muốn mù giới chả cho mù nhĩ
Dương mắt coi chi buổi bạc tình.

CHƯA MAY ÁO

Bức sốt như mình vẫn áo bông,
Ngỡ rằng ốm dậy chả là không ;
Một đàn rách-rười con như bố,
Ba chữ nghèo ngao vợ chán chồng ;

Đất chứa đến khi cơn vận đỏ,
Giời làm cho bõ lúc chơi ngông;
Gần⁵ chùa, gần cảnh ta tu quách,
Cửa phật quanh năm sẵn áo sồng,

CƯỜI MÌNH

Chẳng phải quan, mà chẳng phải dân,
Ngơ-ngơ ngẩn-ngẩn hóa ra dần;
Hầu con chè rượu ngày sai vật,
Lương vợ ngô khoai tháng phát dần;
Có lúc⁶ vênh râu vai phụ-lão,
Cũng khi lên mặt dạng văn-thân;
Sống lâu, lâu để làm gì nhỉ,
Lâu để mà xem cuộc chuyền-vần.

RƯỢU SAY

Đời này thức tỉnh những ai đây,
Ai tỉnh cho ta chịu tiếng say,
Buồn ruột cho nên men phải nhấp,
Dở⁷ mồm nào biết giọng là cay;
Bạn cùng quỉ rầy chi cho bạn,
Vui mấy ma men thể cũng hay;
Ngất-ngưỡng hai tay vợ đũa chén,
Đố ai chánh được cái say này.

GIỜI HÒM

Mặt giời đã gác quăng đường xa,
Lững thững non sông chứa đến nhà;
Muốn bước, xa chân toàn đất khách,
Hỏi thăm, lạ mặt những người ta;

Bóng cây nghiêng-ngửa coi rầu-rĩ,
Tiếng dế vo ve rọng thiết-tha ;
Ngánh lại thử xem giờ đất tí,
Tối lâu lâu cũng sáng dần ra.

TẶNG NGƯỜI VAY NỢ SỰ KHÔNG ĐƯỢC

Ông bám ông ăn đũa trọc đầu,
Đầu không có tóc bám vào đầu ;
Nghĩ mình nghiện nặng cho nên kiết,
Đành nó ăn chay ý hẩn giầu ;
Một vốn bốn lời mong có lãi,
Năm liều bảy lính cũng không câu ;
Thế mà không được buồn cười nhĩ,
Không được thì ông lại xuống tàu.

ĐUA CHO BẠN TRONG NHÀ PHA

Cái cách phong lưu lọ phải cầu,
Bỗng đâu gặp những chuyện đầu đầu ;
Một ngày hai bữa cơm kề cửa,
Nửa bước đi ra lính phải hầu.
Trong tỉnh mấy tòa quan biết mặt,
Ban công ba chữ sắc ngang đầu ;
Nhà vương thông-thả năm chơi mát,
Vùng vậy tha hồ thế cũng âu.

LẠC ĐƯỜNG

Một mình giữa đưng quăng đường xa,
Có gặp ai không để đợi chờ.
Nước biếc non xanh coi vắng-vẻ,
Kẻ đi người lại dang bờ vơ ;

Gọi người chỉ thấy mây xanh ngắt,
Đợi nước càng thêm tóc bạc phờ;
Đường đất xa khơi ai mách bảo,
Biết đâu mà ngóng đến bao giờ.

ĐÊM BUỒN

Giời không chớp bể mấy mưa nguồn,
Đêm nào đêm nao tớ cũng buồn :
Ngủ quách, sự đời thấy kẻ thức,
Bên chùa chú trọc đã hồi chuông.

CHỮ NHO

Nào có ra gì cái chữ nho,
Ông Nghè, ông Cống cũng năm co ;
Ước gì đi học làm thầy phán,
Tối rượu sâm-banb, sáng sữa bò

ĐỒI THI

Nghe nói khoa sau sắp đỏi thi,
Các thầy đồ cõ, đồ mau đi ;
Dầu không bia đá, còn bia miệng,
Vất bút lông đi, dặt bút chì.

CÔ LÁI BUỒN

Nước buồn như chị mới ăn người,
Chị thấy ai thì chị cũng cười ;
Chiều khách quá hơn nhà thổ ế,
Đặt hàng như thể món tôm tươi ;

Quanh năm ngày tháng đều như một,
Bè-bạn chơi bời cũng chịu lui;
Còn một nước buồn này cũng lạ,
Buồn buồn bán mệt lũ anh đuôi.

VỊNH CÔ ĐÀU

Cái thú cô đầu nghĩ cũng hay,
Cùng nhau đàn-diu mấy đêm nay;
Năm canh to nhỏ tình ma chuột,
Sáu khắc mơ-màng chuyện nước mây;
Êm-ái cung đàn chen tiếng hát,
La-đà kẻ tỉnh dặt người say;
Thú vui chơi mãi mà không chán,
Vô tận kho giờ hết lại vay.

VỊNH NGƯỜI GÁI HÓA MUỐN KẾT DUYÊN MỘT NGƯỜI TÀI-PHÚ

Tôi thấy người ta có nói rằng,
Nói rằng: thẳng cuội ở cung giăng;
Vùng giờ chi thiếu nơi thanh qui,
Dì nguyệt dung chi dựa cục-cầu.
Ngồi gốc cây đa, đa mọc rễ,
Thò chân xuống giếng, giếng ai ăn;
Ai ngờ người thế mà ra thế!
Ra thế thì ra thế cũng sáng.

VIẾNG CÔ KỶ MẤT NGÀY MỒNG HAI TẾT

Gái tơ đi lấy làm hai họ,
Năm mới vừa sang được một ngày;
Hàng phố khóc bằng câu đối đỏ,
Ông chồng thương đến cái xe tay.

NGỤ MINH

Giời đất sinh ra thực lắm nghề;
Làm thầy làm thợ, lại làm thuê.
Đố ai mà được như ông nhỉ?
Sáng vác ô đi, tối vác về.

NHÀ HÁT TUỒNG

Nào có ra chi một lũ tuồng,
Cũng hò, cũng hét cũng y-uông;
Dẫu rằng dối được đàn con trẻ,
Cái mặt bôi vôi nghĩ cũng buồn,

ĐƯỢC ĐỒNG TIỀN

Bước chân ra cửa được đồng tiền,
Chả phải tiền đâu được tự nhiên;
Mới biết vua ta là lắm của,
Tên đề Tự-Đức hãy còn nguyên.

TẬP VĂN

BÀI PHÚ DẪN ĐỜI

(Bài giảng bút bà Tiết-phụ làng Hoàng-mai)

Giời đất cao dày, con tạo vẫn soay, ơn vua
nhờ thánh, sinh được hội này, ai đều được nức
lòng nức dạ, ai chẳng mong mở mặt mở mày.
Hậu giả hậu lai, ở hiền lại gặp lành, mới biết
tre già măng mọc; ác giả ác báo, ăn mặn thì

khát nước, khác nào cây yếu gió lay. Trách những người thịt bắp vai u, đường lui tới, nhẽ thiệt hơn, ở chẳng trông sau trông trước; nào những kẻ mặt to tai nhớn, trí tang-bồng, duyên hồ-thỉ, đi cho biết đó biết đây. Đương cơn bình địa ba đào, có chí làm quan, có gan làm giàu sao chẳng khoe khôn cậy khéo; gặp lúc cơn đen vận tưng, có mồm thì cắp, có nắp thì đây, cũng nên giả dại làm ngây. Cửa bụt mất một đèn mười, xin chớ ăn chay nói dối; nam vô một bồ lấy bốn, thà rằng ăn mặn nói ngay. Ngẩn cảnh với chẳng đến giới, trí thiên tài ngu, vòng danh lợi tranh đua thêm ngàn nỗi; ra tay gạo xay ra cám, văn hay vũ mạnh, buổi kinh-luân vũng-vầy cũng ghê thay. Bò của chú chú phải lo con vua vua giầu, con chúa chúa yêu, tình ân-ái chẳng nhằm chẳng lỗi; đèn nhà ai nhà ấy rạng, của anh anh mang, của nàng nàng xách, nợ phong-lưu nơi giả nơi vay. Chị em ơi! lấy chồng cho đáng tấm chồng, cho bồ lúc nghiền phấn sáp, lúc áp hoa hương, hai chữ cương thường sao cho xứng đáng; quân tặc nhĩ! lấy vợ chỉ biết mặt vợ, chẳng nhớ ai bẽ anh-nhi, ai bồng xích-tử, ba năm chừng nước bao quản đắng cay. Có cha có mẹ như đàn có dây, đạo mẹ đức cha, bề rộng giới cao phải quý; thuận vợ thuận chồng, bề Đông cũng cạn, đạo chồng nghĩa vợ, nguồn ân bề ái khôn tây. Chị ngã đã có em nung, máu chảy ruột đau, lá rách lá lành đùm bọc; cha sinh không tây mẹ dưỡng, áo dầy

cơm nặng, công nuôi công dạy đêm ngày. Một cây chẳng nên rừng, đông có mây, tây có sao, đông đúc anh em mới quý; mười voi^h không bát sáo^h, kẻ nói thánh, người nói tướng, chớ nghe miệng thế thêm rầy. Lúc vui bầy chén chú chén anh, rước voi về dầy mồi, ai chết mặc ai, ra sức nay bán mai cuộc; khi cấp nạn chân le chân vịt, xit chó vào bụi rậm, chú chết mặc chú, tìm đường cao chạy xa bay.

Người Hà-nội, khách Sơn tây, những tiếng thị phi, cũng lắm kẻ khôn người dại; gái giang hồ giai tứ-chiến, mặc ai ngang dọc, tha hồ kẻ bắc người tây. Trẻ chẳng tha, già chẳng thương, ở chẳng phòng xa, vuốt mặt không nề mũi, cha cũng kính, mẹ cũng vái, đi đâu mà thiệt, sảy vai xuống cánh tay. Mưa bao giờ mát bấy giờ, kia những lúc rét cắt ruột, lúc đói nhăn nanh, vận đến nhớ đau khi rách rưới; gió chiều nào che chiều ấy, hãy cho nó qua thì đói, nó khỏi thì nạn, thế nào cũng được bữa no say. Báng dầu thắp trọc, không nề dầu ông sư, cứng cổ cứng đầu ai sả những phường ngu-dại; vắng mặt thẳng ngô, lúc có mặt ông sư, sắp mày sắp mặt vẫn nghe nhời nói xưa nay. Giặc bên ngô, cô bên chông, liệu gió giở cờ, dường cư-xử sao cho trọn- vẹn; cháu bà nội tội bà ngoại, vì cây dây quấn nhẽ phải chẳng nào dám đổi thay. Giàu đâu ba họ, khó đâu ba đời, đói cho sạch, rách cho thơm, cứ giữ cồng-bằng cho phải đạo, sông người một nết,

chết người một tật mẹ sinh con, giới sinh tính, bà rằng số phận có ưa may. Thiếu gì kẻ đại người hay, ai là người dạy-bảo, ai đem đạo mở-mang, có nhẽ cha chung ai khóc; nhẩn-nhủ giai lành gái tốt, phải nên đề vào lòng, phải nên chôn vào dạ, chớ hề mẹ hát khen hay.

BÀI PHÚ THẾ TỤC

(Năm Minh-Minh thứ 14, người làng An-ninh, huyện Vinh-thuận (nay huyện Hoàn-long, tỉnh Hà-đông), thầy thuốc Trần-văn-Nghĩa soạn.)

Gớm thay thế tục! gớm thay thế tục! nước chảy bến mê, gió hun lửa đục. Sống liêm mấy kẻ dâm-dĩ, đường lợi nhiều người chen-chóc. Có trung-hậu cũng là trung-hậu bạc, nào đoái hoài những phường khổ rách áo ôm; chẳng nhân nghĩa gì hơn nhân-nghĩa tiền, phải chiều-chuộng những kẻ tiền trăm bạc chục. Mập-mờ khôn cháo, bà lão chôn kim; giáo-giở lừa nhau, vũ thần miếng mọt.

Khi được thế đất nặn nên bụt, nghe hơi khá sấm-sấm len bước tới, đen ngổ đàn ruồi; lúc sa cơ rỗng hóa ra tôm, xem chiều hèn thên-thề vẫy tay ra nạt như nước ốc. Chả biết ăn cây nào rào cây ấy, thấy bở thì đào; chả biết mất của ta ra của người, cứ mềm thì đục. Khó giữa chợ chả ai thêm hỏi, chẳng mua thù bán dữ cũng thờ-ơ; giàu trên rừng có kẻ đi tìm, không ép dầu nài thương mà đạo-giục.

Mềm lưng uốn gối; tôi tớ đồng tiền; mồm miệng day tay, thể thần bịch thóc. Lạ buông thả bán buôn chả quản, quen lèn đau càng giáo giở đầu thặng; giàu nề-nang giặt mượn không nề, khó kéo đến lại kéo cừ lã gốc. Đến gánh nặng, thật hẳn hơi đón rước, miệng thơn-thớt ngọt như mĩa nướng, đuôi gà khua cá tung-bưng; lại tay không; nào nhún-nhõ ử-e, mặt si-sị nặng ngổ đá đeo, mắng chó chửi mèo eo-óc. So kẻ chẳng sợ tiếng bon-chen; thờ lợ lại ghê gan hiểm-hóc. Miệng ngọt nhạt của anh như của chú, thương gì, thương cái cóc khô; tiếng dãi-bôi con chị giống con em, trọng gì trọng con rùa mốc.

Đá đưa đầu lưỡi, tinh những chương-hoàng; sắp ngửa bàn tay rất mầu phản-phúc.

Cũng khoe-khoang kẻ trượng phu từng; cũng khùng-khỉnh người quân-tử trúc. Gả bán so từng gốc rạ, kém lưng dành cần móng tay; bạn-bè độ những lá gan, hờ cạnh chẳng lia tơ tóc.

Nào từng biết phải biết chẳng; muốn những vừa chao vừa súc. Thấy người sang muốn bắt quàng làm họ, thuyền đua bánh lái cũng đua; làm kẻ khó muốn đánh độ mấy giàu, cúc mọc tia-tô cũng mọc. Chẳng nói nên bởi nổi tay không, chẳng cứ đến bởi chung đầu trọc.

Khó đành phận khó bèo đã biết thân bèo bèo đầu dám chơi trò, ai dễ thương ai, ốc chả nổi mình ốc, ốc đầu mang được cọc.

Chỗn nghĩa-nhân nhạt-nhẽo hũag-hờ; nơi tài lợi mận mà sắn-sóc. Làng tương địa bán ruộng chung thiên-hạ, chỉ tay hồ, chỏ tay long; bọm cầu duyên, buôn tiền xấu thế-gian, nghĩ mình vàng khoe mình ngọc. Vụng kiếm ăn thì chề sác như vờ; khéo lừa-đảo lại khen khôn có nọc. Trong cúi-luồn năm dạ mười vàng; ngoài uốn-éo ba lừa bảy lọc. Kẻ xuất gia dấp toan buôn cả bụi, tu gì mà tu, tu mu, gã nhập môn toan những lật cả thầy, học gì mà học, học chọc. Ấy thế mà gắp-ghé đứng tòa sen; ấy thế mà đua chen nhảm áo vóc. Cũng có kẻ mượn quỉ thần kiếm lễ, khua mõ tay, dối bà cô ông mãnh dùng-dùng; cũng có người mượn nàng di lấy tiền, che quạt miệng, nói kẻ khuấy người còn song-sóc. Nhời vô sự bất trách biếng tai nghe; chữ vô vật bất linh quỉ miệng đọc.

Bói võ-vẽ vài câu truyền khẩu, cũng mang hòm kiếm vật, chưa thông quẻ chiều quẻ cộng (1) cũng xem; thuốc mập-mỡ mấy vị nhập tâm, cũng sách túi chạy dong, chưa rõ con bể con hiền (2) cũng bốc. Chước sinh-nhại như thế có ra gì; nghề học-thuật nghĩ mình là chín nục.

Sao chả biết cầm đuốc soi cho kỹ, nết thực-thà hơn nết văn-hoa; ăn mắm ngấm về sau, đường ngang thẳng hơn đường gai-góc.

(1) Bói, quẻ kiến thì nhảm ra quẻ chiều, quẻ tôn thì nhảm ra quẻ cộng.

(2) Thuốc, con tì thì nhảm ra con bể, con thận thì nhảm ra con hiền.

Kẻ có nhân nười phần chẳng khó, có chi mà buộc cổ mèo treo cổ chó, lần-thần lần-thần; người biết lo bằng kho hay làm, can chi mà tham con riết tiếc con rô, cù dù cùc-dúc. Chẳng thấy người mua lừa bán đảo, bốt tay sốt đời tay nguội, sung-xương bao ngày; chẳng thấy người ăn sồi ở thì, vào cửa mạch ra cửa tà. Khá hay mấy lúc. Thương người ấy là thương mình; làm giàu sao bằng làm phúc.

Chú khi ni mi khi khác, gọi là cú có vợ mừng. ăn miếng chả giả miếng bùi, chớ để ta cười người khóc. Giàu về vợ sang về bạn, nhất kiến như cừu thức, giấy mỏng sân-siu; đông có mây tây có sao, cứu đại bơn ngoại nhân, rách lành dùm bọc.

Tốt lời sao bằng sáu đều; ngọc đàn còn hơn khôn độc. Miến được áo ba manh, cơm ba bát, mặc dầu thủng-thỉnh thung-thỉnh; nào ai giàu ba họ, khó ba đời, lọ phải thoi-moi thóc-móc. Thong-thả nên xem trong sách, gấm cổ nhân đặc thất để mà suy; nôm-na gọi phép mấy nhời, khuyên tử đệ ngôn hành cho kiếm thúc.

BÀI DẶN CỜ BẠC

Gớm thay cờ bạc! gớm thay cờ bạc! chẳng ợt mà cay, như sung càng chát! bỏ bả nhau bằng con bài, đánh cạm nhau bằng đĩa bát. Có không không có, như chuyện chiêm-bao; khôn đại đại

khôn, lừa nhau mũi mác. Nó cơm có lúc rồi nghề; quăng mỡ bầy trò đồ-bác. Một trăm hai mươi quân trận trận, ba hàng ngang dọc đảo-diên; bốn đồng mười sau chữ rành rành, hai mặt âm dương sô-sát. Trước chơi sau thực, mon-men gần đến chuyện ăn thua; vào nhỏ ra to, kỳ cục mãi ra lòng bạc ác. Được lúc hòn son đeo khố, ừ không thập-hồng bạch-định, chờ nọc lên chi nầy dưng-dưng; đương khi đầu rầu giắt lưng, nhớ tin cặp-lệch ba-bay, theo lối trúng khuôn rền chan-trát. Trước mặt đề đồng tiền sù-sù, hởi lòng mặc sức ba-hoa; trong lưng mang túi bạc kè-kè, béo mỡ tha-hồ phân phát.

Của ngon vật lạ, đưa đến như mưa; bạc đón tiền đưa, khát hơi như giác. Nào những chú cao lâu tìm đến, sùm quanh mời công-tạo bi-bô; nào những cô hàng sáo rủ về, tán mảnh chuyện nhân-tình kia khác. Chắc hẳn giỡ nhà về thối, tưởng lăm-lăm những bụng ăn người; biết đâu phá đụn đi xin, chơi mãi-mãi có khi bỏ xác.

Đến lúc họa lai thần ám, bài xoay quanh bỏ chực bỏ ù; phải khi vận bĩ quỷ trêu, bạc đuối nước càng thua càng khát. Xóa cuộc này bầy cuộc khác, đen lại hoàn đen; đổi phần nợ bỏ phần kia, nát thì cũng nát.

Quá tay nên nổi nợ nần; nóng mặt tìm đường gỡ gạc. Vợ cào vợ cấu, lãi mấy cũng ừ: lĩnh già lĩnh non, của ai cũng chạc.

Hàng-sáo gặp phải tay nanh-nọc, giở đầu bò võ tuột cũng không xong; nặc-nô giáy phải lữ du-côn, sẵn móng lợn chạy bừa mà chẳng thoát. Khi mới phải chôn năm só nhà, khi mới phải lủi trên só gác; khi mới phải bán cửa bán nhà, khi mới phải cố đồ cố đạc.

Lo đến nợ bòn chồn mất ngủ, đặt xuống năm thì lại giật mình; nghĩ đến tiền ngao ngàn quên ăn, nuốt vào cổ hình như mắc chạc. Vợ con cũng hết lòng thương; bè bạn cũng ra tình nhác. Mất danh mất diện, quá chơi mà nên kẻ lẳng-nhăng; hại thân hại đời, chót đại hóa ra người ngờ-ngác. Thế mới biết ngồi vào đám bạc, già không thương trẻ, thẳng cũng như ông; thế mới hay lâm đến đồng tiền, con chả từ cha, cháu không tha bác. Cao hạ bằng đẳng lão-cáo ào cáo; cốt nhục tương tàn, sắc-sơ sơ-sắc. Nghĩ đến chữ tham tài nhi tử, kẻ máu mè thời chót đại thì chừa; nhớ đến câu đương cục giả mè, người trông thấy phải giữ-gìn cho giát.

TẾ TRẬN VONG TƯỚNG SĨ

(Quan Tiền quân Nguyễn-văn-Thành đứng tề đời vua Gia-Long ta. Tương truyền: đọc xong bài văn tề ở đàn bên sông, thì cạn hết ba tuần rượu mà dưới sông có tiếng khóc ba quân. Quan Vũ-Lượng soạn)

Than. ôi! Giời Dỡn-phố vụn ra Sóc-cảnh, chải mấy phen dan khổ mới có ngày rầy; nước Lô hà

chảy xuống Lương-giang, nghĩ những kẻ điều-
linh kẻ từ thừa nợ. Cho hay sinh là ký mà tử
là qui; mới biết mạnh ấy yếu mà danh ấy thọ.

Xót thay! Tình dưới viên mao, phận trong
giới trụ. Ba nghìn hợp con em đất Bái, cung tên
ngang dọc chi nam-nhi; hai trăm vây bờ cõi non
Kỳ, cơm áo nặng đầy ơn cừ chủ.

Liều thân cho nước, son sắt một lòng: nối
nghĩa cùng thầy, tuyết sương mấy độ.

Kẻ thời theo cơ-dịch bước sang miền khách
địa, hăm hở mài nanh rửa vuốt chỉ non đoài
thề chẳng đội giới chung; kẻ thời tránh vết mao
giỏ lại chốn sơ-cơ, dập-diu vượn cánh giương
vây. trông cõi Bắc quyết thu về đất cũ.

Nắm gai nếm mật, chung nỗi ân-ưu; mở suối
bắc cầu riêng phần lao-khổ.

Trước từng trái Tiêm-la, Cao-man về Gia-định
mới dần ra Khánh, Thuận, đã mấy buổi sơn
phong hải lễ giới Cao, Quang soi tỏ tấm kiên-
trinh; rồi lại từ Đồ-bàn Nam-ngãi, lấy Phú xuân
mà thẳng tới Thăng-long, biết bao phen vũ pháo
vân thê, đất Lũng, Thục lặn vào nơi hiểm-cổ.

Phận truy-tùý găm lại cũng cơ-duyên; trường
tranh đấu biết đâu là mệnh số.

Kẻ thời chen chân ngựa quyết giạt cờ trong
trận, sót nhẽ gan vàng mà mệnh bạc, năm lông
hồng theo đạn lạc tên bay; kẻ thời bắt mũi

thuyền toan cướp giáo giữa dòng, thương thay
phép trọng đề thân khinh, phong da ngựa mặc
bèo trôi sóng vỗ.

Hồn tráng-sĩ biết đâu miền minh mạc, mịt mù
gió lốc, thồi dẫu tha hương; mặt chinh-nhân khôn
vẽ nét gian-nan, lập-lòe lửa chơi, soi chùng cồ-độ.

Ôi! cùng lòng trung-nghĩa, khác số đoản tu,
nửa cuộc công danh, chia phần kim cồ.

Đoái là tiếc xương đồng da sắt, thanh bảo
kiếm đã trăm rèn mới có, nợ áo cơm phải giả
đến hình-hài; những là khen dạ đá gan vàng,
bóng bạch-câu xem nửa phút như không, thù
đầy đội cũng cam trong phế phủ

Phận dù không các khói đài mây; danh đã
giây ngàn giâu nội cỏ.

Tiếc vì thua theo cờ trước gió, thân chả quản màn
xương đệm giá, những chờ xem cao thấp, bậc
cân thường; tiếc cho khi nhớ bước giữa dòng,
kiếp đã về cõi suối làng mây, nào kịp thấy ít
nhiều ơn vũ lộ.

Vàng Thượng đức hồi loan thán trước, đoàn
ứng nghĩa dẫu Quảng, Thuận, Nghệ, Thanh cũng
vậy, đội ân quang deo khắp xuống đèo ngang;
mà những người từng thượng trận ngày nay,
dấp tấu công từ ngọc, vị, thân, dậu đến giờ, treo
tính tự đề năm sau lá sỏ.

Ngọn còi dúc nguyệt, nơi tẻ nơi vui; dịp
trống đồn hoa, chốn tươi chốn ủ. Đã biết rằng
anh-hùng thì chẳng quản, trăm trận một trường
oanh liệt, cái sinh không, cái tử cũng là không;
nhưng tiếc cho tạo-hóa khéo vô tình, ngàn năm
một hội tao-phùng, phận thủy có phận chung
sao chẳng có.

Bản tước nay, vâng việc biên phòng, chạnh
miền viễn-thú. Dưới trướng nức mùi trung vạc
sực nhớ khi chén rượu rót đầu ghềnh; trong
nhà rở vẻ áo xiêm, chệnh nghĩ buổi tắm cừ
hong trước gió. Bâng-khuâng kẻ khuấy với người
còn; tưởng-tượng thày đầu thì tớ đó.

Nền phủ định tới đây còn sốc-nổi, ngụ lòng
một lẽ, chén rượu, thoi vàng; chữ dữ-đồng
găm lại vốn đình-ninh. khắp mặt ba quân, cờ
đào áo đỏ. Có cảm thông thì tới đó khuyên mời,
dù linh thánh nghe nhời dạy-dỗ.

Trường chinh-chiến hoặc là oan hay chẳng,
cũng chớ nề kẻ trước, người sau, hàng trên,
lớp dưới, khao hưởng rồi, sẽ tấu biên dương
cho; hội thắng-bình đừng có nghĩ rằng không,
dù ai còn cha già, mẹ yếu, vợ hóa, con côi, an
tập hết cũng ban tồn tuất đủ.

Hồn-phách đầu đều ngày tháng Thuấn, Nghiêu;
hài-cốt đó cũng nước non Thang, Vũ.

Cơ huyền - diệu hoặc thắng chằm chưa rõ,
thiênng thời về cổ quận, để hương thơm lửa sáng

kiếp tái sinh lại nhận cử tiền quân; miền tôn thân dù sinh tử chớ nề, thiêng thi giúp Hoàng-triều, cho bề-lặng sông-trong, duy vạn kỷ chữa rời ngôi bảo-tộ.

Thượng-hưởng!

BÀI VĂN TẾ QUAN PHÙ-MÃ NGUYỄN-VĂN-TÍNH VÀ QUAN THƯỢNG-THƯ NGÔ-TÔNG-CHU

(Đời vua Gia-Long, hai ông bị quân Nguyễn-Nhạo, Nguyễn-Huệ vây ở thành Bình-định, một ông uống thuốc độc, và một ông đốt cháy chết).

Than rằng: Đạo thần tử hết lòng thờ chúa, gian-nan từng dải dạ chung-thành; đứng anh-hùng vì nước quên mình, biển dâng dám lay lòng tiết-nghĩa. Ngọc dù tan vẻ trắng nào phai; trúc dầu cháy, đốt ngay còn đề.

Nhớ hai người thao lược ấy tài, kinh-luân là chí, giúp vạc Hán thừa ngôi giới chéch lệch, chém cây đuôi lũ hung tàn; vén xe Đường khi thế nước chông-chénh, kẻ bút ra tay kinh tế.

Nối nghĩa sánh duyên các tia, bước gian nan từng cật dạ khuông-phù; nản kinh giúp sức cung xanh, công mông dưỡng đã đánh lòng uỷ-ký.

Hậu quân thừa trao quyền tử-trụ, chữ ân-uy hơn nhỏ đều phu; Lễ-bộ phen giúp việc chinh khanh, bề trung-ái sớm khuya chẳng trễ.

Ngoài cõi vượt nanh ra sức, chí tiêm cừu đánh
đãi xuống tam quân; trong thành lòng dạ chia lo,
bề ưu quốc đã thấu lên cứu bệ.

Miền biên khốn hai năm chia sức giặc, vững đạo
tôi chỉ quân thế là nguy; cõi Phú-xuân một trận
giây uy giới, nặng việc nước phải lấy mình làm nhẹ.

Sửa mũ áo lạy về bắc-khuyết, ngọn quang minh
hun nát tấm trung can, chỉ non sông đã mấy cô-
thành, chén tân-khổ nhấp ngọn mùi binh-khi.

Há rằng ngại một phen thử thạch, giải trùng vi
mà tìm tới quân vương, bởi vì thương muôn
mệnh ti hưu, thì nhất tử để cho toàn tướng sĩ.

Tiếng hiệu lệnh mơ màng trước gió, ân tin xưa
người bộ khúc đau lòng; bóng tinh-trung thấp
thoáng dưới đèn, uy-nghi cũ kể liêu-băng sai lệ.

Cơ dãn-địch kịp chầy đánh hẹn buổi, sót tướng
doanh sao vắng mặt thân-huân; phận truy-tùy
gang-tác cũng đèn cọng, tiếc nhưng mạc bổng-thiệt
tay trung-trí.

Nay gặp tiết thu, bày tuần úy tế.

Hai chữ cương-thường nghĩa nặng, rõ cồn hoa
cùng thỏa chốn u-minh; ngàn thu quang nhạc khi
thiêng, giúp mao việt để mở nên bình trị.

GIẢI PHÚ

(Quan Phó bảng Phạm-văn-Ái người làng Đông-tĩnh,
tỉnh Bắc-bình soạn).

Uầy kia ai, vô hình vô chùng, tất-ta tất tởi,
mắt nết ngưng-ngang, ra điều khẳng-khái. Ý giận

kẻ độc-phu đông-ngược, tiếc cơ-đồ mà giả cách
ngần ngờ; hay quen phượng đồng quán vui chơi,
mảng phong cảnh mà nên chiều mê mãi

Bởi vì chung, lúc thoát bầm sinh, khi vừa ngang
ngái, giới già lẫn cần, phú tính nhảm mà điều chỉ
bỏ khuấy đi; bà mụ vụng về, nặn hình xấu mà con
tâm về tít lại.

Khiếu vốn hẹp-hòi, nghĩ không thông thái, mọi
việc mọi sai, động làm động lỗi

Ăn không trông nôi, ngồi không trông hướng,
biết đâu ché sắp mặt chi cây; chơi chả lựa đôi,
ở chả lựa nơi. coi chẳng khác kẻ môn chi mối.

Bát sát Thiên-lôi chi nói, léo-nhéo như mõ róc
quan viên; lục lẳng bát giác chi đi, lật-đật như
sa vật ông vải.

Sảng cả mọi điều, dở nào một cái, đi buôn thì
buôn buồn bán người ngậy, đi cấy thì cấy nhảm
đôi luống lại, đi gánh thì giở vai quầy trước họng,
lún-củ chi sư-tử cụt đuôi; làm thợ thì mang
nặng thở hơi tai, hồng-học chi kỳ-lân cần quái.

Thuốc thì chấp hàn, ôn, bình, nhiệt. bọ gi bốc
ấy, đến chết hãì còn khoe; bói thì quen đan, sách,
trùng, giao, gieo đoán đoán liền, rắng nhảm mà
văn cãi.

Giở nghiệp học-hành, hư thân trẽ-nải, viết chữ
xấu mà không thèm xem thiếp, gà bới bếp chi
đọc ngang; vẫn làm dài mà chẳng rút vào khuôn,
chó chạy đường chi nhơ-nhái.

Cái học học nhằm, cái may may đại.

Khi thi vớ vài câu cũ rích, biết trùng kiến là điều có tội, mà một chữ bẻ làm hai, làm ba không đổi, cầm đầu viết cố chẳng gìn tay; khi đồ vay ít bạc tiêu hoang; biết bội hoàn là cái lệ thường, mà một đồng lãi ra năm, ra bảy chẳng nề, nhắm mắt chơi liều không sợ lãi.

Ngần nào là mê kiệu mê cờ; ngần nào là nghiện thuốc nghiện sai.

Ngần nào là chiết rượu đánh đồ chứa chan; ngần nào là uống chè bỏ rơi vương-vãi.

Đánh bạc những mắc tiền màn, quay cựa, cố dần quần lĩnh áo the; đi chơi phải lừa thuốc ngái, bùa-yêu, bán hết ruộng trâu nái.

Lại lúc vác dùi chầu thùng-cắc, tai ngọt câu thơ câu thổng, chết mê chết mệt mấy cô đầu; lại khi lồng đèn bóng tò-mò, lòng ham chiều lịch chiều thanh, hết ruột hết gan cùng bợn gái.

Trước đành trẻ chưa biết nghĩ, từng chàm ấy đúng rồi; nay sao già chả chót đời, áo toi kia khoác mãi.

Thôi thì kiếm thuốc chữa dần, tìm thầy cúng vái, hoặc số trước mệnh viên có kềm, phải tìm sao thai mộ tiên đưa; hay ngồi xưa tiêu-oánh làm nhằm nên tìm đất cần khôn để cái.

Miễn sao cho trước đại như bò; rầy khôn như nhái.

Nói đâu ra đấy, ai cũng tin nghe; làm ấy điều nên, người cũng kính dái.

Dầu gặp đũa thiên tinh địa quý, chưa dễ bán mà ăn; dù vào nơi vạn tử nhất sinh, đi đâu không chút ngại.

So họ nịnh không thua đỉnh chút, chửi khi bình khi loạn cũng điều yên; đến thầy Cang còn kém vài phân, gồm việc nước việc nhà đã hết phải,

Để cho khách trong đời khen tặc tặc, khôn thế mới khôn; bao nhiêu điều ngày cũ sạch láng láng, đại gì mà đại.

BÀI PHÚ THẦY ĐỒ ĐI TRỢ

(Lây vân trợ nhà có Quán Kinh)

Quân bất kiến, núi Đọi đằng kia, sông Lê bên nọ; có một thầy đồ hề kỳ mũi lỗ; nón dứa giầy da, áo lương, quần lụa; giọng pha Nguyên-mặc, bài truyện, bài kinh, hơi luyện Đường-nhân, câu thơ câu phú; gặp bội phong-vân long hồ, nhà nước mở khoa, giở nghề bút nghiên văn-chương, thầy đồ đi trợ.

Trợ ở đâu à? rằng ở tỉnh nhà, mặt rửa chỉ chậu thau bể đá, dit ngồi cời chường kỹ ghế hoa, phong lưu quen thói thị-thành, chốn thanh lịch dãi người thanh-lịch, nhà cửa quanh năm vắng vẻ, mẹ đàn-bà con cũng đàn-bà; sự vui được chốn thanh nhàn, tiếng thì mặc tiếng, chủ cũng yêu người văn-tự, ta lại gặp ta.

U thị, mượn cái đĩa ngô, bày trăm cau khô ;
viết : tôi anh đồ, xin trọ nhà cô ; gánh tú sách,
quây hòm đồ ; này khăn này áo, này thầy, này
trò ; sẵn sàng nước rót cơm bung, ba đồng một
tháng, bè-bệt rượu ngon nhắm tốt, hai bữa đôi
hồ ; tường đông ai khéo xoay-văn, mắt Kim-
Trọng đôi bên ngấp nghé, cửa sổ gió đưa phấp-
phới, đàn Tương-Như mấy khúc nhỏ to.

Phù dĩ ; hương lửa gần quen, tấm hơi chẳng
quản ; một đấy một đây, nên bầu nên bạn ; thầy
đồ nghe cũng cứng, gắng sức dùi mài ; nhà chủ
mở nới hàng, ra tay buôn bán.

Mấy quyển tân thanh chi truyện, đọc lại thêm
vui, vài thiên Trịnh Vệ chi âm, ngâm mà chẳng
chán

Khởi bất dĩ, cô thời buôn bán, tôi thời học-
hành ; nhời ăn tiếng nói, nấu sử sôi kinh ; ngày
sáu khắc, đêm năm canh ; say vì nết, mệt vì tích ;
dù ai dạn ngọc thề vàng, giới cao bề rộng, mặc
kẻ cười hoa cợt nụ, gió mát giăng thanh.

BÀI PHÚ HỒNG THI (Ông Tú Xương)

Đau quá đòn ghea, nóng hơn lửa bỏng ; hồ bút
hồ nghiên, túi lều túi chõng ; nghĩ chữ nam-
nhi đặc chí, thêm nổi thẹn thùng, ngâm đến câu
quyền thổ trùng lại nói ra ngấp-ngọng ; thế mới
biết học tài thi phạm, miệng đàn bà con trẻ nói
thế mà thiêng, nào ai ngờ chữ tốt văn hay, tài
Bảng-nhỡn, Thám-hoa nhỡ ra cũng hồng.

Có một thầy, dốt chả dốt nào, chữ hay chữ lỏng ;
nghiện chè nghiện rượu, nghiện cả cao lâu, hay
hát hay chơi, hay nghề xuống lỏng ; quanh năm
phong-vận, áo hàng tàu, khăn lượt, ô Nhật-bản
xanh, ra phố sênh-sang, quần cát bả, tất tơ, giày
Gia-định bóng ; giá cứ chăm nghề đèn sách, thì
mười lăm mười sáu ; đồ tự bao giờ, chỉ vì quen
lối thị-thành nên một tuổi một già, hóa ra lỏng-
đóng. Tú dốt bẳng giữa năm Giáp-ngọ, nổi tiếng
đầu trò, con nhà nghề ở đất Vị-xuyên, ăn phần
cổ lọng.

Năm vua Thành-thái mười hai, lại mở khoa thi
Mỹ-trọng ; kỳ đệ tam văn đã viết rồi ; bản-đệ tứ
chữa ra còn ngóng ; thầy chắc hẳn văn chương
có mực, mượn khách xem dò, cô mừng thầm
mũ áo đến tay, gặp người nói mộng ; sáng đi lễ
phật, còn kỳ này kỳ nữa là xong, đêm dậy vái
giời, qua mồng bốn mồng năm cho chóng.

Nào ngờ bẳng nhỏ có tên, ngoại bàm còn chổng :
kẻ đến sáng văn còn được chấm, bẳng cốt
nghênh-ngang, người ngồi khuya tên hải được
vào, áo dài lưng-thụng. Thi là thế, học-hành là
thế. Tri - kỷ cùng ai, người ở đây hồn phách ở
đâu, than thân mấy bóng.

Thôi thi thôi, sách vở mập - mờ văn-chương
lỏng-ngóng ; khoa trước đã chầy. khoa sau hẳn
chổng ; ý có kẻ lo-toan việc nước, vua chữa dùng
tài, hay thiếu người dạy dỗ đàn em, giới còn để
học.

BÀI PHÚ THẦY ĐỒ DẠY HỌC

(Ông tú Xương)

Thầy đồ thầy dạy, dạy học dạy hành; vài quyển sách nát, ba thặng trẻ ranh; văn có hay đã đỗ làm quan, võng điều võng thắm, vũ có giỏi thì ra giúp nước, khố đỏ khố xanh; chắc hẳn thầy vầu dốt vũ dát, vả lại vừa gàn vừa dở, vậy nên thầy lẩn-quần loanh-quanh.

Xem thầy, con người phong-nhã, ở chốn thị-thành; râu dậm như chồi, đầu to tây dành; đã lắm phen đi đó đi đây, thất điên bát đảo, cũng nhiều lúc chơi liều chơi lĩnh, tứ đốm tam khoanh. Nhà linh tính quan, ăn dặt những thịt quay nạp-xường, mặc dặt những quần vân áo xuyên, đất lề quê thói, chỗ ngồi cũng án thư bàn đọc, ngoài hiên cũng cánh xếp mảnh mảnh.

Gần có một mụ, sinh được bốn anh, tên Uông tên Bái, tên Bột tên Bánh; mẹ muốn con hay, đắp một nổi biển cờ áo mũ chủ rước thầy học tính đủ tiền, chè rượu cơm canh; chọn ngày lễ bái, mở cửa tập-tành; thầy ngồi chính-chện trò đứng chung-quanh; dạy câu Kiều lấy, dạy khúc lý Kinh; dạy khi lên ngựa xuống xe, đứng ngồi phải phép, dạy lúc cao lâu chiếu rượu, ăn nói cho sành.

BÀI VĂN VỢ TẾ HẾT TANG CHỒNG

(Người Hà-nội)

Cử-nhân Đoàn-như-Chương soạn

Than ôi ! Non Nùng hạc lánh, sông Nhị mây
trôi ; một ngày một vắng, đôi ngả đôi nơi ; đạo
vợ nghĩa chồng, duyên ngộ-hợp xiết bao ân-ái,
kể về người ở, phận khuê vi nhiều nỗi chua cay :

Thiếp nhớ từ đào non sen ngó, lục thắm hồng tươi ;
duyên đẳng gió thuận, lá thắm thơ bài ; đàn Trưng-
Nữ giao khúc phượng-hoàng, xo dây cầm sắt,
cầu Chức-nữ nhờ tay Ô-tước, lựa dịp trúc mai ;
tơ đồng đã bén dao loan, năm bảy độ hùng bi
mộng hiệp, dây gửi may nhờ côi bách, mấy mươi
năm gia thất duyên hải ; khi xem hoa lĩnh-đế thú
Tây-hồ, yêu hương tiếc nhị, lúc dạo nguyệt đoàn
viên cầu Hoàn-kiếm, chung bóng sánh vai ; biết
bao mây sớm đèn khuya, tóc tơ một ước, vẫn
chắc gờ cao bề rộng, non nước còn dài.

Nào ngờ giãng già độc-địa, con tạo trêu người ;
đá mòn sông cạn, ngọc nát vàng phai ; ngao-ngán
nhê buồn vắng sương-giá, ngần-ngơ nhường gối
chéch giãng soi ; vườn hờ dăm chút thơ-ngây,
khuya sớm một mình khuyên dạy, sân tử hai chồi
sương tuyết, chân cam ai kể đỡ thay.

Thôi thì thôi ! Không không sắc sắc, kiếp kiếp
hồi hồi ; nợ duyên số trước, may dủi cơ gời ;
há ông xanh thử khách hồng nhan, chia uyên rã
thủy ; hay di Nguyệt ghen người má phấn, cây sắc
khoe tài.

Nay mình dương xa cách ngày tháng đưa thoi,
một đọi tám chín mười chờ khôn thấy, ba năm
hai mươi bảy tháng vừa rồi; gạt giọt ngọc kính
dâng vài chén, dãi gan vàng quyết đoán một nhời,
đắp lạnh quạt nồng, tác cổ xin thay người cũ,
gin vàng giữ ngọc, ôm cầm thẻ chẳng thuyên ai.

BÀI CA

ĐÁNH CỜ NGƯỜI

(*Hồ-xuân-Hương soạn*)

Chàng vờ thiếp canh khuya dẫn dọc,
Đốt đèn lên đánh cuộc cờ người.

Hẹn rằng đấu chí mà chơi,
Cấm ngoại tẩu không ai được biết;
Nào tướng sĩ dàn ra cho hết,
Đề đòi ta quyết chí một phen,

Quân thiếp trắng, quân chàng đen.
Hai quân ấy chơi nhau đã đã lữa,
Thoạt mới vào chàng liền nhẩy ngựa,
Thiếp vội vàng vén phura tỉnh lên.
Hai xe há chàng gác hai bên,
Thiếp sợ bí thiếp liền gánh sĩ,
Chàng lừa thiếp dương khi bất ý,
Đem tốt đầu dú-dí vô cung,
Thiếp dương mắc nước xe lỏng
Nước pháo đã nổ dùng ra chiếu,

Chàng bảo chịu, thiếp rằng chửa chịu.
Thua thì thua, quyết niu lấy con;
 Khi vui nước nước, non non,
Khi buồn lại giở bàn son quân nga.

BÀI CA VỢ CHỒNG NGÂU

(Ông Tú-Xương soạn)

Tục truyền tháng bảy mưa ngâu,
Con gái lấy chú chẵn trâu cũng phiền;
 Một là duyên, hai là nợ,
Mỗi xích-thăng ai gỡ cho ra;
 Vụng về cũng thể cung nga,
Trăm khôn nghìn khéo, chẳng qua mục-dồng;
 Hay là sợ ế chồng chẳng tá,
Dối công đầu kén cá chọn canh;
 Lấy ai, ai lấy cũng đành,
Rề giờ đâu đến cả anh áo buồm.

NÓI CHUYỆN VỚI GIĂNG

Tiết thu dạ giờ quang mây tạnh,
Chốn lữ-đình sự, tình canh khuya;
 Tai nghe văng-vẳng bốn bề,
Gương Nga vằng vặc dải hè quế lan,
 Thấy giăng mà động lòng vàng,
Ngâm câu vãn nguyệt mà đoan mấy nhời.
 Hỏi di nguyệt mấy nhời sau trước,
 Duyên có sao mà được thảnh thơi?

Nguyệt rằng : vật đời sao đời,
Gương này giới để cho người soi chung.
Làm cho mỗi mắt anh-hùng,
Ngàn thu sương tuyết, một lòng thanh-quang.
Hỏi đi nguyệt có đường lên tới?
Chốn thêm cung cách mấy mươi xa?
Nguyệt rằng : ta lại với ta,
Có cây đàn-quế ấy là chị em.
Khách trần thử tới mà xem.
Kìa gương ngọc thỏ, nọ rèm thủy-tinh.
Hỏi đi nguyệt có tình chằng tá?
Chừ niên hoa phồng đã nhường bao?
Nguyệt rằng : chút phận thơ đào,
Càng lên càng tỏ, càng cao càng tròn,
Tấm gương vắng vặc chằng mòn,
Bao nhiêu tinh dầu là con cái nhà.
Hỏi đi nguyệt Hằng-nga mấy tuổi?
Cứ ngày rằm đến tối thì ra.
Nguyệt rằng : ta lại biết ta,
Minh minh trường dạ ai là biết ai,
Vậy nên mở mặt soi đời,
Biết nơi nham hiểm, biết người tà-dâm
Thấy nguyệt hỏi lòng càng yêu nguyệt,
Biết lòng ta có nguyệt hay chằng,
Muốn lên cho đến cung giăng,
Kết duyên cho được chị Hằng mới tha,
Một giăng với lại một ta,
Biết nhau chỉ có canh ba điểm thung,
Nguyệt thông thả ướm lòng lại hỏi,
Cõi trần gian là cõi làm sao?

Cuộc đời xem tựa chiêm-bao,
Công-Hầu Khanh-Tướng xôn xao trong vòng.
Tranh nhau vì chút hơi đồng,
Cướp nhau vì miếng đỉnh-chung của giới.
Nguyệt lại hỏi đến người quân-tử,
Buổi vãn-lôi đòi chữ kinh luân,
Ta rằng: đã có thánh thần,
Ra tay bát loạn nên thân trị bình,
Còn phường trực lợi tham danh,
Trò đời xem cũng ra tình phù su.
Nguyệt lại hỏi rừag nho mấy kẻ?
Quyết ra tay bẻ quế Trường-an,
Ta rằng: cá nước chim ngàn.
Đời nào chẳng có phượng hoàng kinh ngư,
Ta hỏi nguyệt ngằn-ngơ ngơ ngằn,
Nguyệt hỏi ta thơ thần thần-thơ.
Rèm hoa trước gió phất-phơ,
Hiu-hiu gió thổi hương đưa ngọt ngào,
. Canh khuya bóng nguyệt càng cao,
Nguyệt ta, ta nguyệt biết bao nhiêu tình,
Mấy câu ngâm chốn lữ-đình,
Có ai biết nguyệt biết mình chẳng ai?

CÁC BÀI TẬP KIỀU

(Lá đơn hai người có đầu đèn thừa quan,
bị người dân đánh mọ)

(*Huyện Tiên-lãng, tỉnh Kiến-an*)

Rằng tôi chút phận đàn-bà,
Song song đưa tới sân hoa lậy quí.

Xót mình cửa các phòng khuê,
Tiên hoa trình trước án phê xem tường.
Sá chi liễu ngõ hoa tường,
Dớp nhà nhờ lượng người thương dám nài.
Xót người tựa cửa hôm mai,
Ngần ngơ trăm mối, dùi mài một thân.
Tuồng vô nghĩa ở bất nhân,
Đã xoay đến thế còn vắn chưa tha.
Khéo oan gia, của phá gia,
Đang tay dập liễu vùi hoa tươi-bời.
Cúi đầu nép xuống sân mai,
Hết điều khinh trọng hết nhời thị phi.
Vị chẳng xét tấm tình si,
Con ong cái kiến kêu gì được oan.
Sao cho cốt nhục vẹn toàn,
Nỗi riêng luống những bàn hoàn niềm tây.
Trộm nhờ sấm xét ra tay,
Thế nào xin quyết một bài cho xong.
Đã đưa đến trước cửa công,
Lượng trên trông xuống biết lòng có thương.
Thương sao cho vẹn thi thương,
Liệu bài phương tiện mở đường hiếu sinh.
Gót dẫu mọi nỗi đình ninh,
Còn nhiều kết cỏ ngậm vành về sau.

VỊNH HOA THỦY-TIÊN

(Quan Tiên-sĩ Chu-mạnh-Trình)

Thương ôi, sắc nước hương giờ,
Chơi hoa đã dễ mấy người biết hoa.

Rõ ràng trong ngọc trắng ngà,
Đào-nguyên lạc lối đâu mà đến đây?

CÁC CÂU ĐỐI

Cóc cách, cộc cách,
Công kênh, cồng kênh.

Con cóc leo cây vông-cách, nó ngã xuống cộc,
nó cách đến già,

Con công đi qua chùa Kênh, nó nghe tiếng cồng,
nó kênh cồ lại.

Cốc cốc đánh mõ rình cọt thóc, thử (鼠) dên
nay chuột có ăn không,

Tùng tùng hồi trống đào cây thông, ô (烏) cánh
nọ quạ không đậu được.

Lợn eãn (艮) ăn cám tợn (巽),
Chó khôn (坤) chó cắn càn (乾).

VỢ NGƯỜI THỢ NHUỘM KHÓC CHỒNG

Thiếp kẻ từ lá thắm xe duyên, khi vận tia
lúc cơn đen, điều đại điều khôn nhờ bố đỡ!

Chàng ở dưới tuổi vàng nghĩ lại, vợ má hồng
con răng trắng, tim gan tím ruột mấy giờ xanh.

CÂU ÔNG TÂN-LÝ-THƯỜNG RA CHO ÔNG NGÔ-THỜI SĨ

Ai Công Hầu, ai Khanh Tướng, trong trần ai
ai dễ biết ai.

Thế Chiến-Quốc, thế Xuân Thu, gặp thời thế
thế thì phải thế.

(Khi ông Ngô-thời-Sĩ làm quan Tây-sơn, ông Thường
đền chơi, rất là kiêu ngạo, sau ông Thường theo vua Gia-
long ta làm Tham-tán, bắt ông Ngô-thời-Sĩ đền, ra cho
câu đối ấy, đối xong rồi sai đem đánh chết).

DÂN CÔNG ĐƯỜNG

(Quan Thượng Chứ)

Hai hạp bốn chủ, một lũ nhà-tơ, ngồi chờ
quan - lớn.

Ba bị chín quai, mười hai con mắt, hay bắt
trẻ con.

QUAN THƯỢNG CHỨ RA CHO ÔNG NGHÈ TÂN

Công đặng hỏa có chi đâu, sùng-săng nhờ
phận lại nhờ duyên, quan trong năm bảy tháng,
quan ngoài tám chín năm, này cờ này biển, này
mũ này đai, này hèo hoa gươm bạc, này tán
tia lọng xanh, khách tài-tình gặp hội kiếm cung,
khắp giới nam bề bắc ấy anh-hùng. mùi thế xem
ra chừng đã trái.

Nợ phong trần không vương nữa, ngắt-nguờng chẳng tiên mà chẳng tục, hầu gái một vài cô, hầu giai năm bảy đũa, nào cờ nào kiệu, nào rượu nào thơ, nào đàn ngọt hát hay, nào trè chuyên chén mầu, tay khí vũ thoát vòng cương tỏa, lấy gió mát giăng thanh làm bạn lúa, tuổi giới thêm ít nữa là hơn.

CÁC CÂU ĐỐI QUAN TAM-NGUYÊN AN-ĐỒ

DÁN NHÀ

Người nước nam hỏi tiếng tây chẳng biết tiếng tây, hỏi tiếng tàu chẳng biết tiếng tàu, cho nên phải mình tiên-vương chi đạo dĩ đạo.

Nhà hương bắc người chữa rét thì mình đã rét, người chữa bức thì mình đã bức, mới gọi là tiên thiên-hạ chi ưu nhi ưu.

DÁN CHƠI

Quan chấ quan thì dân, chiếu trung đình ngắt-nguờng ngồi trên, nào lệnh nào trưởng, nào bàn ba, tiền làm sao, gạo làm sao, củi đốc làm sao, loanh-quanh ba vạn sáu nghìn ngày, miếng má lợn coi thầy đã nhắm mắt.

Già chẳng già nhưng trẻ, chú tiểu-dồng lơ-nhờ đứng dưới, này phú này thơ, này đoạn một, ngang là thế, sỏ là thế, bằng trắc là thế, dằng-dẳng một năm mười hai tháng, con mắt gà đeo kính đã mòn tay.

KHỐC VỢ

Nhà tớ vốn nghèo thay, nhờ được bà hay lam hay làm, thắt lưng bó que, sẵn váy quai-công, le te chân ngược chân xuôi, nhiều lúc đỡ-dần khj có việc.

Bà đi đâu vội mấy, đề một lão vất-vơ vất-vường, búi tóc củ hành, buông quần lá tọa, gặt gù tay đũa tay chén, lấy ai kể-lễ truyện trăm năm.

VIẾNG NGƯỜI LÀNG

Vừa mới họp việc làng, mặc áo địa, dận giầy tầu, dứng-dỉnh cũng coi ra dáng kẻ.

Thế mà chết đầu nước, lấp ván thiên, vùi đất sét, khôn ngoan thì cũng dứt đuôi rồi.

VIẾNG NGƯỜI HÀNG SÓM

Giàu có thiếu chi tiền, đem một vài quan không phải nhẽ.

Sang không thì cũng bạc, kiếm dăm ba chữ đề làm duyên.

VIẾNG BỐ VỢ

Chữ nghĩa có gì, cửa sấm nhẽ đâu mang trống lại.
Rề con không nhẽ, nước người nên phải vác
chiêng đi.

CÔ ĐÀU KHÓC MẸ

Dầy làm kếp hẹp làm đơn, tống-táng cho yên
hồn phách mẹ.

Cá kẻ đầu rau kẻ mở, tình tang thêm tủi
lũ đàn con.

VỢ LÒ RÈN KHÓC CHỒNG

Nhà cửa để lằm than, con thơ-dại lấy ai rèn cặp.
Công việc đành bỏ bẽ, vợ chẻ chung lằm kẻ đe-loi.

CÂU ĐỐI ÔNG BÙI-HOAN

(Người làng Thịnh-liệt huyện Thanh-tri đỗ Cử-nhân)

Làm cho vợ mừng đỗ Cử-nhân

Mười mấy khoa còn gì, nhờ giờ có phúc có phận.
Năm mươi tuổi mới đỗ, mừng ông càng giẻ
càng giai.

MỪNG ÔNG LÃO NHÀ QUÊ LÊN

LÃO 70 TUỔI

Tính ông hay, hay tửu hay tắm, hay nước trè
đặc hay nằm ngủ chưa, tuổi ngoại sáu mươi còn
mạnh-khỏe

Nhà ông có, có bầu có bạn, có ván cơm sôi,
có nồi cơm nếp, bày ra một tiệc thấy linh đình.

CÁC BÀI HÁT

(Các bài trong tập này phần nhiều trước không có đầu bài, không có đầu bài không nhưng không hiểu văn hay, mà không có thể phân biệt từng bài được, vậy tôi có chọn những câu lục bát trong truyện Kiều có hợp ý nghĩa về một bài nào, đem đặt thay làm nhan đề cho bài ấy, gọi là một cái đầu riêng chia ghê bài nọ với bài kia).

QUAN CAO-BÁ-QUÁT

(Ngài người làng Phú-thụy, huyện Gia-lâm, tỉnh Bắc-ninh, tên hiệu là Chu-Thần, cùng ông Cao-bá-Đạt đẻ sinh đôi, đều đỗ Cử-nhân, ngài đỗ khoa Tân-mão đời vua Minh-Mệnh ta, làm quan đến chức giáo-thụ thôi, văn-chương rất là phiêu-dật, kể nước ta chưa được mây người, vua Tự-Đức có phê câu thơ rằng: « Văn như Siêu, Quát vô Tiền-Hán » nói văn chương ngài với quan Phó-bằng Nguyễn-Siêu Phương-đình, khó lòng văn hay nhà Tiền-Hán đã bằng, đời bây giờ có câu chuyện rằng: « Thần Siêu, Thánh Quát » đều khen là bực văn tài cả. Có tập văn thơ Cao-chu-Thần để lại sau, không những văn hay, chữ rất tốt, và văn nam âm cũng hay lắm, xin lục bài hát sau này):

1. — NGHĨ ĐỜI MÀ NGÁN CHO ĐỜI

Thế sự thăng trầm quân mạc vấn,
Yên ba thâm xứ hữu ngư-châu;

Vắt tay nắm nghĩ truyện đầu đầu,
Đem mộng sự, độ mấy chân thân thì cũng mệt.
Duy giang thượng chi thanh-phong, dữ sơn
[gian chi minh-nguyệt ;
Kho giới chung, mà vô-tận của mình riêng ;
Cuộc vương tròn phó mặc khuôn-thiên, ư
Kẻ thành-thị, kẻ vui miền lâm-tâu,
Gỗ dịp lấy, đọc câu tương-tiến-tử
Quân bất kiến, hoàng-hà chi thủy, thiên thượng
[lai.

Làm chi cho mệt một đời !

2. — NGÀY XUÂN ĐÃ DỄ TÌNH CỜ MẤY KHI

Tài-tử với giai nhân là nợ sẵn,
Giải-cấu nan là chữ làm sao ?
Trái xưa nay chừng đã biết bao !
Kìa tan hợp nợ khứ lưu đầu dám chắc.
Giai nhân khứ khứ, bành hành sắc,
Tài-tử chiêu-chiêu mộ mộ tình.
Uầy kia ai ! như mây tuôn, như nước chảy,
[như gió mát, như giăng thanh ;
Lơ lửng khéo chêu người chi mãi mãi !
Giời đất có san đi mà xẻ lại,
Hội tương-phùng còn lắm lúc về sau !
Yêu nhau xin nhớ nhờ nhau.

3. — BIẾT ĐÂU RỒI NỮA CHẴNG LÀ CHIÊM-BAO

Nhân sinh thiên-địa nhất nghịch lữ,
Có bao lăm, ba vạn sáu nghìn ngày,
Như chiêm-bao, như bóng sỏ như gang tay,
Sực nhớ đến cồ-nhân bình chúc;
Cao sơn lưu thủy thi thiên trực;
Minh nguyệt, thanh phong, tửu nhất thuyền;
Dang tay người tài-tử, khách thuyền-quyên,
Chén rượu thánh, câu thơ thần thích chí!
Thành-thị ý, mà giang-hồ ý.
Đâu chả là tuyết, nguyệt, phong, hoa!
Bốn mùa xuân lại, thu qua.

4. — NGÀY VUI NGẮN CHẴNG ĐẦY GANG

Ba vạn sáu nghìn ngày là mấy?
Cảnh phù-du trông thấy cũng buồn cười!
Thôi công dẫu mà chấp lấy sự đời,
Tiêu khiển một vài chung lếu-láo!
Đoạn tổng nhất sinh duy hữu tửu,
Tâm tư bách kế bất như nhàn,
Bóng thiếu-quang thấp thoáng dưới Nam-san,
Ngảnh mặt lại cửu-hoàn coi cũng nhỏ!
Khoảng giới đất, cồ kim, kim cồ,
Mảnh binh-hải không có, có không!
Lọ là thiên tứ vạn chung.

5. — VÌ HOA NÊN PHẢI TỎ ĐƯỜNG TÌM HOA

Giai nhân nan tái đắc,
Chót yêu hoa nên dan diu với tình;

Mái tây-kiến nguyệt dải chênh-chênh,
Rầu-rĩ mấy xuân về oanh nhớ.
Phong-lưu công-lử đa xuân tứ,
Trường đoạn, Tiêu-nương nhất chỉ thư.
Nước sông Tương một dải nông-chờ,
Cho kẻ đấy, người đây mong mỗi.
Bất-rất nhẽ, trăm đường nghìn nôi!
Chữ chung-tinh biết nói cùng ai?
Quản chi gấn bó một hai.

6. — KIẾP HỒNG-NHAN CÓ MONG-MANH

Tự cổ hồng nhan đa mệnh bạc,
Buồn cho ai, mà lại tiếc cho ai!
Duyên chông-chênh nguyệt-mĩa hoa cười,
Ngao-n án nhẽ, đào-tiên lặn cõi tục!
Đã gác gương loan treo giá ngọc,
Nỡ hoài chim cú đậu cành mai!
Xuân còn dài, duyên hãy còn dài,
Thử đứng-đỉnh xem cơ tiền-định.
Mượn dì Nguyệt thử xe dây xích,
Khách văn nhân với khách giai-nhân.
Sắc tài ai kẻ cầm cân?

QUAN NGUYỄN-QUÍ-TÂN

(Ngài người làng Thượng-cốc, tỉnh Hải-dương, đỗ Tiên sĩ năm Nhâm-dân, đời vua Thiệu-trị năm thứ 2, sau làm Tri-phủ).

7. — TRĂM NĂM TRONG CŌI NGƯỜI TA

Nhân sinh thiên địa gian,
Hốt như lữ-hành khách !
Có bao nhiêu, ba vạn sáu nghìn ngày ;
Nợ phong-trần chót đã ăn vay,
Phải trang giả mới là tay chí-khí.
Đã chót nhấp say mùi thế-vị,
Phải tìm phương tỉnh thuốc phiền-hoa !
Kiếp phù-sinh thấm-thoắt bỗng nên già,
Thì tuyết, nguyệt, phong, hoa cho phỉ chí,
Hỏi những khách tang-bồng hồ-thỉ,
Chốn lâm tuyền thành-thị mấy tri âm ?
Trăm năm luống những cười thăm !

8. — ĐAU LÒNG KẺ Ở, NGƯỜI ĐI

Thử địa, thử nhân, tòng thử khứ,
Di sâu, di hận, cánh di thương !
Mỗi tình riêng xẻ nửa bước đường !
Bên bờ liễu ngập-ngừng cơn tống biệt ;
Người viễn khách biết chằng chằng biết ?
Mỗi tơ vò vấn-vít xuất năm canh !
Khi cung đàn, khi chén rượu,
Khi gió mát, khi giăng thanh,

Khúc bạch-tuyết bên mình còn văng-vẳng !
Mấy bước tiến đưa vàng đá nặng,
Ba câu gấn bó nước non tình.
Gánh tương-tư chất nặng bên mình,
Phong cảnh ấy chiều người thêm xác mắc !
Tự cớ giai-nhân nan tái đắc,
Khách tri-âm ở đó, uầy nào đâu ?
Mười phần ta đã tìm nhau.

QUAN NGUYỄN-CÔNG-CHỨ

(Ba bài)

(Ngài người làng Uy-viêu, huyện Nghi-xuân, tỉnh Nghệ-an, đỗ Giải-nguyên khoa Kỷ mao đời vua Gia-Long, làm quan đến đời vua Tự-Đức ngài là bực văn-thần lại giỏi tài thao-lược, thường lấy chức quan văn đi đánh giặc mấy lần, đã làm đến Hải-an Tổng đốc bị cách chức, sau lấy quân công khai-phục, lại bị cách chức, thăng mấy không biết lên xuống mấy lần, khi mất, tuổi ngoài 70, còn khai-phục được chức Thừa-tiên Phú-đoãn. Văn nam âm rất hay, các bài hát lại càng hay lắm, những bài hay có dấu thường hát bây giờ phần nhiều của ngài cả, xin lục vài bài sau này):

9. — CẦM ĐƯỜNG NGÀY THÁNG THANH NHÀN

1°

Thị tại môn tiền náo,
Ngu ệt lai môn lạ nhàn,
So lao tâm, lao lực cũng một đoàn,
Người nhàn thể muốn nhàn sao được!

Nên phải giữ lấy nhân làm trước,
Dầu gởi cho có tiệc cũng xin nài
Cuộc nhân sinh, chừng bảy, tám, chín, mười
mười!

Mười lăm trẻ, năm mươi già không kể.
Thoạt sinh ra thì đã khóc chóc!
Trần có vui, sao chả cười khi?
Khi hỉ lạc, khi ái dục, lúc sân-si,
Chữ chi lắm một bầu nhân-dục!
Tri túc, tiện túc, dãi túc, hà thời túc?
Tri nhân, tiện nhân, dãi nhân, hà thời nhân?
Cầm, kỳ, thi, tửu, mấy giang san,
Dễ mấy kẻ xuất trần xuất thế!
Ngã kim nhật tại tọa chi địa,
Cổ chi nhân tăng tiên ngã họa chi,
Ngàn muôn năm, âu cũng thế ni,
Ai hay hát mà ai hay nghe hát?
Sông Xích-bích, buông thuyền năm Nhâm tuất,
Đề ông Tô riêng một thú thanh-tao.
Chữ nhân là chữ làm sao?

10. — CÔNG DANH AI RỨT LỐI NÀO CHO QUA

2.

Ba vạn sáu nghìn ngày thắm-thoát!
Tự mọc răng cho đến bạc đầu.
Cõi nhục vinh góp lại chữa bao lâu!
Ngồi thử gẫm sự đời thêm khéo quá!
Núi tự tại, cơ sao sông bắt xả?
Chim thì lông, hoa thì cành,

Khéo công đầu, thừa trừ,
Từ nghìn trước đến nghìn sau !
Kết cục lại mỗi người riêng một kiếp,
Nhập thế cục bất khả vô công nghiệp,
Xuất mầu hoài tiện tự hữu quân thân !
Mà chữ danh liền mấy chữ thân,
Thân đã có ắt danh ầu phải có !
Này phút chốc kim rồi lại cò,
Có hện gì sau chẳng bằng nay.
Râu mày kia hỡi râu mày !

11. — TRÊN VÌ NƯỚC, DƯỚI VÌ NHÀ

Tang-bồng hồ-thỉ nam-nhi trái,
Cái công-danh là cái nợ lần !
Nặng-nề thay đôi chữ quân thân !
Đạo vi tử vi thần đầu có nhẽ !
Cũng dấp diên viên vui thú vị ;
Chót đem thân thế hện tang-bồng,
Xếp bút nghiên theo việc kiếm-cung,
Hết hai chữ trung, trình báo quốc.
Một mình để vì dân, vì nước,
Túi kinh-luân từ trước để nghìn sau.
Hơn nhau một tiếng công hầu.

12. — DƯỚI TRẦN MẤY MẶT LÀNG CHƠI

Ngâm cho kỹ đến bất nhân là tạo-vật,
Đã sinh người lại hện lấy năm.

Kể chi thẳng lên bầy, đũa lên năm!
Dầu ba vạn sáu nghìn ngày là mấy chốc!
Lại mang lấy lợi, danh, vinh nhục!
Cuộc đời kia, lắm lúc bi hoan!
E đến khi hoa rữa giăng tàn,
Xuân một khắc dễ nghìn vàng đổi chác!
Tế suy vật lý, tu hành lạc,
An dụng phũ danh bạn thử thân.
Song bất nhân mà lại chi nhân,
Hạn lấy tuổi đề mà chơi lấy.
Cuộc hành lạc bao nhiêu là lãi đấy,
Nếu không chơi thiệt ấy ai bù!
Nghề chơi cũng lắm công phu.

QUAN THƯỢNG NGUYỄN-ĐỨC-NHU

13. — NỒI CHÌM CŨNG MẶC LÚC NÀO RỦI MAY

Nhân sinh thiên địa nhất nghịch-lữ,
Thôi công đâu mà rước lấy sự trần-gian.
Như chiêm bao, như mây nổi, như sương tan.
Cơn đắc tán, bi, hoan, danh có lúc!
Vài chung phong nguyệt bầu kim cồ,
Mấy khúc sơn hà, túi gió giăng!
Cuộc tẻ vui, vui tẻ so bằng,
Ai cỏi thế, chắc rằng không với có!
Kìa Vương Khải, Thạch-Sùng thừa nợ,
Dầu đến nay tác lữi cũng là hư!
Làm chi giữ lấy khư-khư!

14. - TRÚC MAI SUM HỌP MỘT NHÀ

Nbán thể hãn phùng khai khẩu tiểu
Khách giang-hồ từng hợp thiều, ly da,
Nay bắc nam xum họp một nhà,
Gồm đủ cả thảng cảnh, lương thì, thưởng tâm
[lạc sự;

Hào trúc, ai ti dư túy hĩ,
Thế phong minh nguyệt gia hà như?
Thú nguyệt hoa là nợ với cầm thư,
Cuộc thi tửu, đề riêng người phong-nhã!
Quản bất kiến? hoa lạc hoa khai, xuân khứ dã,
Phải chơi cho lăn lóc dã kéo hoài.
Kìa kìa hải đốc, thiên nhai!

QUAN NGHÈ NGÔ-THẾ-VINH

(Ngài hiệu riêng là Chúc-đường, người làng Bái-dương tỉnh Nam-định, đỗ Tiên-sĩ năm Kỷ sừu, niên hiệu Minh-Mệnh thứ 10, học-trò thành đạt rất nhiều).

15. - LẦN THẬU GIÓ MÁT GIĂNG THANH

Giang sơn, thu nguyệt bạch,
Nào nùng thay, khi gió mát lúc giăng thanh!
Bóng thềm soi dáy nước long-lanh,
Quang cảnh ấy, cũng thanh mà cũng lịch!
Vạn nãi tịch nhiên thu gia vĩnh,
Nhất hồ oánh nhĩ, nguyệt minh thâu
Đàn năm cung, thơ một khúc, cờ một cuộc,
[rượu một bầu.

Tiếng ca-quản một vài câu khiên-hứng !
Chèo mấy mái thuyền lan lừng-thửn ,
Bạn mấy người tài tử tiêu giao ;
Non mấy từng, đá mọc so le,
Cầu một dịp, bắc ngang sông Vị-thủy,
Hội Xích-bích nọ năm Tuất nhỉ !
Thú phong-lưu há một Tô-công,
Giăng thanh gió mát kho chung,

16. — ĐỜI NGƯỜI ĐẾN THẾ THÌ THÔI

Nhân sinh thích chí, chẳng gì hơn :
Tiền cho nhiều, vợ cho đẹp, đàn cho ngọt, hát
[cho hay!
Nợ phong lưu, chơi hết lại vay,
Kho vô-tận, không rồi lại có !
Mãn viện lý đào như hữu chủ,
Bách ban hoa thảo cán thâu thùý.
Khi cung đàn, khi chén rượu, khi túi thơ,
Thu-xếp cả phiến-hoa vào một cục.
Thú vị ấy, chơi cũng tục, mà chả chơi cũng tục.
Chơi thì chơi cho nước Hán sang Hồ,
Nước Tần sang Sở nước Ngô sang Lào,
Biết đâu rồi chả chiêm bao.

QUAN TAM-NGUYÊN NGUYỄN-KHUYẾN

Sáu bài

(Ngài người làng An-đó, huyện Bình-lục, tỉnh Hà-nam, đỗ Nhì-giáp tam-nguyên khoa Tân-vị, niên-hiệu vua Tự-Đức ta năm 24, làm quan đến Sơn, Hưng, Tuyên Tổng-độc (trước ta có chức Tổng-độc gồm hai ba tỉnh) cáo về, lấy thơ rượu làm vui ngâm vịnh rất nhiều, có tập văn Quê-sơn để lại. Các lời văn Quốc-âm như: lục bát, thơ, phú diễn âm, và bài hát điệu hay. Vừa khoa-danh vừa sự-nghiệp, vừa khí-tiết, vừa văn-chương. quốc-triều ta cũng chưa thấy mây. Xin lục dăm bài sau này).

17. — TIẾNG KHOAN NHƯ GIÓ THỔI NGOÀI

1° — Giả cách điếc

Trong thiên-hạ có người giả điếc,
Khéo ngo-ngo ngác-ngác, ngỡ là ngây!
Chả ai ngờ sáng tai họ, điếc tai cây,
Lối điếc ấy sau này muốn học.
Tọa chung đàm tiểu nhân như mộc.
Giả lý phan viên nhĩ tự hầu;
Khi vườn sau, khi ao trước, khi điệu thuốc,
Khi miếng giàu, khi chè chuyên dăm bầy chén
[khi Kiều lấy một đôi câu.
Tĩnh một chốc, lâu lâu rồi lại điếc.
Điếc như thế, ai không muốn điếc?
Điếc như anh dễ học du mà.
Hỏi anh, anh cứ ậm à!

18. — MẮT XANH CHẴNG ĐỀ AI VÀO
CÓ KHÔNG ?

2° — Bài hát xẩm

Anh nay mục hạ vô nhân,
Nghe em xuân-sắc mười phân nảo nùng!
Dù em môi phấn má hồng,
Nhưng nhưng anh có thềm trông đâu nào!
Lấy anh đi trước cho hào,
Dù ngắm, dù nguyệt, dù sao mặc lòng!
Nhủ em, em có nghe không?
Hãy còn ngồi đấy hay bong đi rồi!
Nhắc tay sờ chốn em ngồi.

19. — TRO' NHƯ ĐÁ, VỮNG NHƯ ĐỒNG

3° — Bài Phỏng đá

CÂU MIÊU

Người đâu ? tên họ là gì ?
Hỏi ra chích-chích chi-chi, nực cười !
Vắt tay ngảnh mặt trông giờ,
Còn toan lo tính sự đời chi đây !
Thấy lão đá lờ-dờ muốn hỏi ?
Cớ làm sao luồn-lỏi tới chi đây ?
Hay mắng vui huế cổ, nước non này ?
Chừng cũng muốn đan tay vào hội lạc !
Thanh-sơn tự tiểu, dầu tương hạc,
Thuong-hải thùy tri túc diệc âu !
Thôi thôi đừng nghĩ truyện đầu-dầu !

Tút vũ trụ mặ : dàn sau gánh vác!
Duyên hội-ngộ là duyên tuổi tác,
Chén chú, chén anh, chén òi, chén bác,
Cuộc tỉnh say, say tỉnh một vài câu!
Nên chẳng đá cũng gặt đầu.

20. — BỤI NÀO CHO ĐƯỢC ĐƯỢC MÌNH ẤY VAY

5° — *Mẹ Mốc*

Mẹ Mốc là một con mẹ đại ở về vùng tỉnh Nam, thường lây than, đất xoa đen nhỏ cả mình đi, có người cho mụ ta vì bực mình một sự gì, già cách ra như thế, thực không phải đại.

So danh giá ai bằng mẹ Mốc!
Ngoài hình-hài, gấm, vóc cũng thêm ra,
Tấm hồng-nhan đem bôi lấm, xoa nhòa.
Làm thế để cho qua mắt tục,
Ngoại mạo bắt cầu như mỹ ngọc,
Thân trung thường thủ tự kiên kim.
Nhớ chồng con muôn dặm xa tìm,
Giữ son sắt êm-dềm một tiết,
Sạch như nước, trắng như ngà, trong như tuyết,
Mảnh gương trinh vằng vặc quyết không nhe
Đắp tai gánh mặt làm ngọc,
Răng khôn cũng kê, răng khờ cũng thây,
Khôn em dễ bán đại này.

21. — PHỤ TÌNH NỔI TIẾNG LẦU XANH

6°

Nết dàu, nết lạ!
Thấy cô dàu gằm - gã chực cười nô,
Rượu cưa say, mời đủ trăm hồ;
Hãm cơm cháo mời về còn lắc!
Liếc mắt nhân tình nhanh cái cắt,
Chém môi vô-tìcà phóng con hươu!
Vui anh em thời ra phết phong-lưu,
Rút cục lại chú nhiều K iều là họ nội.
Khen ai khéo đưa đường chỉ lối,
Chị em ta thề giới thế mà thiêng.
Từ rầy hẽ thấy thì kiềng.

22. — TRÔNG VỚI CON NƯỚC MÈNH-MÔNG

Tây-hồ

(Tây-hồ ở phía bắc thành Hà-nội, chu-vi 27 dặm
đều mùa thu trông ra, thực là giới nước mông-mênh,
mùa hạ sêu mọc nhiều, thả một lá thuyền chơi,
thật không khác gì như đem mình đương ở chôn hồng-
trần ra ngay miền Nhược-thủy, cũng là vượng-khí đất
Thăng-long, từ trước xếp đặt sẵn cho trong thành-thị
có riêng một cảnh-chí làm-tuyên).

Thuyền lan nhẹ-nhẹ
Một con chèo đứng đỉnh đạo hồ Tây.
Sóng rập-rờn sắc nước lẫn chèo mây.
Bát ngát dễ ghẹo người du lãm,
Yên-thủy tự sinh vô hạn cảm,

Thu-phong hồi thủ mỗi thương tâm!
Rượu lưng bầu, mong-mỏi bạn tri âm,
Xuân vắng-vẻ biết cùng ai ngâm họa?
Gió hây hây nức mùi hương xạ,
Nhác trông lên, vách phấn đã đề bài.
Thơ ai, xin hỏi một bài?

QUAN ĐỐC HỌC TRẦN-LÊ-KỶ

(Người làng Bát-tràng, tỉnh Bắc-ninh)

23. — CHƠI CHO LIỄU CHÁN HOA CHÈ

Từ lên một đến mười lăm còn trẻ nit,
Bốn mươi năm cút-kit đã về già;
Tính trong vòng, cần đá mấy giảng hoa,
Phỏng độ ba mươi năm là sắp kiệt.
Thế mà còn đi học đi hiệc, đi thi đi thiếc;
Khi đỗ khi điệc, làm quan làm kiếc!
Việc đời vấn-vít biết bao ngại,
Giời đã sinh cho kiếp làm người,
Chả chơi thời người cười ra chú vịch!
Được ngày nào, ta chơi cho thích,
Cho phong-lưu, thanh-lịch mới là giai!
Thấy ai ai, ta cũng ai ai.
Ai-ai ấy, thì ta cũng ấy!
Chớ có quở chữ dâm là chữ bậy!
Nếu không dâm sao có này ra hiền?
Bảo em, em cứ giữ diềng.

QUAN DƯƠNG-LÂM

ĐƯA MỪNG QUAN NGHÈ DU-LÂM KHI ĐỖ TIÊN-SĨ

(Ngài với quan Nghè Nguyễn-Kham Du-lâm cùng là anh em ngọc-nhuận (rẻ), khi quan Nghè đỗ, ngài chưa đỗ, đưa mừng bài hát này, khoa sau đỗ Giải-nguyên. Ngài dẫu không đỗ đại-khoa, nhưng văn tài cùng với quan Đường anh, đều là có tiếng, quan cũng làm đến Thượng-thư. Ngài được cung hàm Thiệu-bảo, văn-chương sự-nghiệp, Bắc-kỳ ta chưa dễ được mấy nhà, xin lục bài hát sau này :)

4. — CHÉN MỪNG XIN ĐỢI NGÀY RẦY NĂM SAU

Giai-nhân hà tất kiêu như ngọc,
Chữ duyên may, đập đổ phận hồng nhan;
Kìa những người xe ngựa chau-chan,
So ngón kẻ đã thua nhau ngàn với vạn !
Mai phóng hạnh tiên, tiểu hạnh vãn,
Hạnh khai mai hậu, thán mai suy !
Xin đừng đem tài sắc đánh ghen chi !
Trăm năm ấy đường đi lối bước,
Nhấn những kẻ đường mây bước trước,
Sẽ dừng roi đợi kẻ sau này,
Chắc rằng ai dở, ai hay !

25. — MƯỜI LĂM NĂM MỚI BÂY GIỜ LÀ ĐÂY

4° — Gặp cô dâu cũ

Hồng-hồng tuyết tuyết,
Mời ngày nào, chưa biết cái chi-chi !

Mười ăm năm, thắm-thoắt có ra gì !
Ngánh mặt lại, đã tới kỳ tơ-liều,
Ngã lãng du thì khanh thượng thiếu,
Khanh kim hứa iá, ngã thành ông,
Cười cười, nói-nói sượng-sùng,
Mà bạch-phát với hồng-nhan chừng ái ngại,
Riêng một thú thanh sơn đi lại,
Khéo ngậy-ngậy, đại-dại mấy tình !
Đàn ai một tiếng gương tranh.

CÁC BÀI HÁT QUAN DƯƠNG KHUÊ

Năm bài

(Ngài người làng Vân-đình, phủ Ứng-hòa, tỉnh Hà-đống, đỗ Tiên-sĩ khoa Nhâm-thìn, niên hiệu vua Tự-Đức năm 21, làm quan đến Thượng-thư, lại về Tham tá nha Kinh-lược, khoa hoạn rất là rõ ràng. Ngài là một bậc từ-tảo phong-lưu, không những văn-chương hay, các bài hát và roi châu, rất là hay có tiếng. đó cũng là vận sự riêng trong một bậc văn hoa; xin lục những bài hát sau này :)

6. — DÂY LOAN XIN NÓI CẨM LÀNH CHO AI ?

1° — *Hỏi truyện cô dẫu*

Nhân vong, cầm tại,
Thương chàng Hai, mà hỏi lại cô Hai ;
Tiện đây hỏi một đôi nhời :
Đàn bản ấy đã cùng ai so phiếm cũ ?
Hồng phấn, kỷ nhân vi quả-phụ ?

Bạch-đầu, nan lão Trác-văn-quân,
Thế thi khi gió gác, khi giảng sân,
Chứng bạch-tuyết, dương-xuân còn tưởng nhớ!
Hãy ngồi lại hát chơi khúc nữa,
Ai trách chi tang chở xóm Bình-khang?
Xưa nay nghề-nghiệp thế thường.

27. — TÌNH NHÂN LẠI GẶP TÌNH NHÂN

2^o — Gặp cô đầu cũ

Hốt ức lục thất niên tiền sự,
Nợ phong-lưu chưa phủ hương nguyên ;
Tới bây giờ lại gặp người quen,
Nỗi lưu-lạc, sự ghét-ghen là thế-thế !
Thiếp tự thân khinh, lang vị khí,
Thần tuy tội trọng, để do liên !
Can chi mà tội phạm hờn duyên?
Đề son phấn đàn em thêm khúc-khích !
Ý trung nhân, tự khả tình tương bạch,
Thôi bút nghiên, đàn phách cũng đều sai,
Gặp nhau ta sẽ vui cười.

28. — SÔN-SAO TI TRÚC HỘI-ĐỒNG QUÂN QUAN

(Mừng khánh - thành sinh - từ và hiền quan quận
Nguyễn-Tổng-Khê lai kinh).

CÂU MIÊU

Ấy ai ghi nhớ sống thờ,
Tổng-khê Tướng-quốc sinh-từ, kia-kia !

Tặng lâu các họa thơ đề,
Nghiễn-bi thừa trước, Hùng-bi thừa này !
Giang sơn riêng thú thanh-kỳ.
Có^o lâu có tháp, có bia công-thần,
Giữa giới một gác khuê-vấn,
Chùa tiên bên nọ, miếu thần bên-ni !

3^o — Bài thứ nhất

Thừa tướng đại danh thủy vũ-trụ,
Sinh-tử trường dữ thử giang-san !
Thú vui chơi, thắng-tích, kỳ-quan,
Miền thủy nhiều, hoa hoàn coi cũng rưa,
Ngấn tuyết cháo vãng, hoàn, lưu, khứ,
Dịp tuần hồng như-như ti-ti !
Hát^o rằng vô dĩ công qui,
Một tiếng trúc, dây ti là một nhớ !
Hỏi lại cỏ hoa đã biết chữa ?
Nước non này còn đó bởi vì ai ?
Còn sông Tô, Nhị còn dài,
Còn bia Nùng, Khán còn nhời niềm ân,
Trăm nghìn bài chúc thần-quân.

4^o — Bài thứ hai

Tung sinh, Nhạc giáng chôn danh thế,
Đệ nhất nguyên-huân, đệ nhất nhân !
Vị đem mà vẽ lại các kỳ-lân,
Gồm đủ cả trượng-tiết, trừ - biên, giao-lân,
phụng sứ,
Nghìn năm lễ, bóng đường, mưa thử,
Giang sơn này lưu khứ nhớ hay không ?

Càng lâu càng nhớ Tướng-công,
Lúc bản-dãng tình trung càng tỏ dạ !
Một mình hệ hoàng-gia tôn-xã,
Trăm ngàn năm vàng đá vẫn còn ghi,
Sinh-từ Tướng-quốc kia-kia !

29. — CỎ CÂY CỎ ĐÁ SẴN-SÀNG

5° — *Hương-sơn*

(Núi Hương-tích ở về phủ Mỹ-đức, huyện-Chương-mỹ, tỉnh Hà-dông. Một núi rất là u tịch, lối vào khuất khúc, qua khe đèo núi, qua núi đèo chùa, qua chùa đèo động, lại có những chợ giời, rừng mơ, suối Giát-oan, lối lên giời, hang xuống đất, thực là thợ giời xếp-đặt sẵn ra một cảnh chí tự n lên. Vua Thánh-tôn nhà Lê có khắc 5 chữ bằng đá để trước cửa động rằng : « Nam thiên đệ nhất động » nghĩa là động thứ nhất giời Nam. Tương truyền đức chúa-Ba nước ta đặc đạo tu ở đây, cho nên đèo nay năm-năm cứ tháng hai, tháng ba, kẻ hành hương, người lăm thẳng, thực là ngựa xe như nước, áo quần như nêm. Các bài để vịnh cũng nhiều, xin lục hai bài sau này :)

Thú thiên nhiên đâu bằng Hương-tích,
Đủ thanh-tao, cảnh lịch trăm chiều !
Người thời vui trĩ-thỏ sô-nghiêu,
Kẻ thời thích yên-hà phong-nguyệt.
Kho vô-tận những thế nào chưa biết,
Thú hữu tình sơn thủy thực là vui !
Khi dăng lăm, có lối đến gần giời,

Mây dưới gót, đủ xanh, đen, vàng, đỏ, trắng!
Lúc vào động ngắm sơn-quinh thạch-dắng,
Bút thần ngoạn chưa khéo vẽ cho cùng,
Riêng một bầu sắc-sắc không-không,
Khắp mọi vẽ kỳ kỳ quái-quái!
Động chủ hữu linh thần-bút tại,
Hóa-nhi vô ý tự-nhiên công!
Khách trèo non ngán lại mà trông,
Lòng mến cảnh đời chân đi hóa đứng!
Chén vân-dịch nghiêng bầu uống găng;
Bức thơ tiên mở túi liền đề.
Giải oan ra, lầy tục lại thêm hay,
Thiên-chủ tới, vong cơ càng thấy khỏe!
Làng thi tửu còn đâu hơn đấy nhỉ?
Chẳng Bồng-lai, Nhược-thủy cũng thần tiên,
Rõ ràng đệ nhất Nam-Thiên,
Mang đi sợ để thần tiên mất lòng!
Thôi thì đề đấy chơi chung.

QUAN NGHỀ CHU-MẠNH-CHÍNH

(Người làng Phú-thị, tỉnh Hưng-yên, đỗ Giải-nguyên, Tiên-sĩ, làm quan đến Áu-sát tỉnh Hà-nam. Quan Chu cũng là một bậc từ-tào phong-lưu, các nghề chơi như: đàn, vẽ, bắn súng, đánh cờ, điếu giỏi cả, văn nam-âm cũng hay, có tập thơ vịnh Kiều 20 bài in để lại, và ít nhiều bài hát còn truyền, xin lục bài hát sau này:)

Bài hương-sơn thứ hai

Bầu giờ cảnh bụi,
Thú hương-sơn ao ước bấy lâu nay !
Kia non-non, nước-nước, mây-mây,
Đệ-nhất-động hỏi rằng đây có phải ?
Thủ-thỉ rừng mai chim cúng trái,
Lũng-lờ khe nước, cá nghe kinh.
Thoảng bên tai một tiếng chầy kinh,
Khách taug-hải đặt mình trong giấc mộng !
Này thú Giải-oan, này chùa Cửa-võng,
Này am Phật-tích, này động Tuyết-kinh,
Nhác trông lên ai khéo họa hình,
Đá ngũ sắc long lanh như gấm dệt ;
Thăm-thẳm một hang lồng bóng nguyệt,
Gập-ghềnh mấy lối uốn thang mây !
Ý giang-sơn còn đợi ai đây ?
Hay tạo-hóa khéo ra tay xếp đặt !
Lần tràng-hạt niệm nam-vô phật !
Cảnh từ-bi công đức biết bao,
Càng trông phong-cảnh càng yêu.

QUAN DOÂN-KHUE

(Ngài người làng Ngoại-lân, tỉnh Thái-bình đỗ Tiên-sĩ khoa Mậu tuất, niên hiệu vua Minh-Mệnh ta thứ 19, quan sung chức Doanh-diễn-sứ tỉnh Nam-định, là em quan Trung nghĩa tướng-quân Doãn-Uân, khoa-danh, tiết-nghĩa có danh-tiếng ở quốc triều ta, xin lục bài hát sau này :

30. — CÒN CHEN VÀO CHỖN BỤI HỒNG LÂM CHI

Mòn tài ngũ liêu,
Đào-uyên-Minh qui khứ lai hề ?
Chỉ vân sơn hện lấy đường về,
Đừag theo-đuổi phong-trần chi mãi-mãi !
Giời đất nề-nang người khí-khải,
Nước non tây-vị kẻ tài từa,
Đạo Chích lợi, Bá-Di danh,
Hỏi Thủ-lĩnh, Đông sơn ai phải chăng ?
Bắc đồng cân thử xem nhẹ nặng,
Chữ lợi kia nhẹ bằng mấy mươi !
Danh thơm dài đề trên đời,

31. — GIĂNG THỀ CÒN ĐÓ TỜ-TỜ

Cao sơn nhất phiến nguyệt,
Đã chơi giăng nên phải biết tình giăng,
Sơn chi thọ, đối với nguyệt chi hằng,
Sơn có nguyệt càng thêm cảnh sắc,
Nguyệt quải hàn sơn thi bán bức,
Sơn hàm minh nguyệt tửu thiên tôn ;
Giăng chưa già, núi vẫn còn non,
Núi chưa khuyết, giăng vẫn tròn mấy núi ;
Rượu một bầu, thơ ngâm một túi,
Góp gió giăng, làm bạn với non sông !
Núi kia, tạc đề chữ đồng,
Giăng kia, nhớ mặt anh-hùng này chẳng ?
Sinh thay kia núi nợ giăng.

TÌ BÀ HÀNH

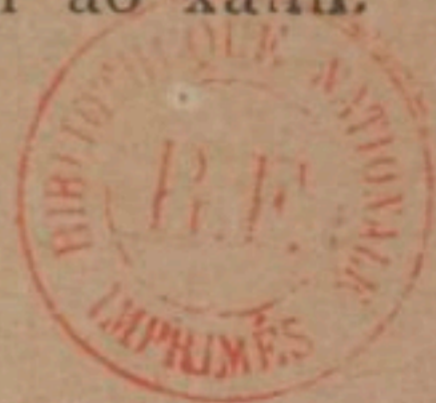
Lác-đác rừng phong hạt móc xa,
Ngàn lau hiu-bắt khí thu mờ,
Lưng gò sóng gợn lòng sông thẳm
Mặt đất mây đùn cửa ải xa.
Khóm cúc thêm tuôn dòng lệ cũ,
Con thuyền buộc chặt khối tình già.
Lạnh lùng giục kẻ tay đao xích,
Thành quạnh gần xa bóng ác tà.

Bến Tầm-dương canh khuya đưa khách,
Quạnh hởi thu lau-lách diu-hiu,
Người xuống ngựa, khách dừng trèo
Chén quỳnh mong cạn, nhớ chiều chúc tở.
Say cũng luống ngẩn-ngơ hầu dễ,
Nước menh-mông đắm vẽ gương trong.
Đàn ai chợt tiếng bên sông,
Chủ khuấy-khũa lại, khách rùng-rắn xuôi.
Tìm tiếng sẽ hỏi ai đàn tà?
Ngừng dây tở, nấn-ná làm tỉnh,
Rời thuyền ghé lại thăm tình,
Dong đèn chuốc chén còn dành tiệc vui,
Mời-mọc mãi thấy người bờ ngõ,
Tay ôm đàn che nửa mặt hoa,
Vặn đàn vài tiếng dạo qua,
Dẫu chưa nên khúc tình đà thoảng hay.
Nghe nảo nuốt mấy dây rút bạc,
Nhường than niềm, tấm tức bấy lâu,
Chau mày tay gảy khúc sầu.
Tả tình rã hết trước sau muôn vắn,
Ngón buông, bắt khoan khoan diu-dặt.

Trước nghề-thường sau thoát lục điều,
Dây to nhường đồ mưa rào,
Nỉ non dây nhỏ nửa chiều chuyện riêng,
Tiếng cao thấp đánh hanh lần gầy,
Mâm nọc dâu bông nẩy hạt châu.
Trong hoa oanh riu-rít nhau,
Suối khe giéo-giắt chảy thâu dưới ghềnh.
Nước suối lạnh tơ mảnh ngừng tắt,
Ngừng tắt nên phứt bật đường tơ.
Âm-thầm đau đớn ngân-ngơ,
Về người lặng-ngắt bấy giờ càng hay,
Bình bạc vỡ tuôn đầy giọt nước,
Ngựa sắt giông thét ngược tiếng giao,
Cung đàn chọn bực thanh tao,
Tiếng buông sé lựa đượm vào bốn dây,
Thuyền mấy lá đông tây im phắc,
Một vầng giăng trong vắt lòng sông.
Ngậm-ngùi đàn đã sắp xong,
Áo siêm sửa soạn hầu mong giả nhời,
Rằng: xưa vốn là người kẻ chợ,
Gò Hà-mô chú ở lân la.
Học đàn từ thừa mười ba,
Giáo phường đệ nhất bậc đà liệt tên.
Ấy Thiện tài sợ phen dựng khúc,
Gái thu-nương ghen lúc diễm tô,
Ngũ-lăng chàng trẻ tranh-đua,
Biết bao the đỏ chuốc mua ngón đàn,
Vành lược bạc chia, tan dịp khổ,
Bức quần hồng, hoen ố rượu rơi,

Năm năm lần nữa vui cười,
Mãi giăng gió, chả đoái-hoài xuân thu.
Buồn em chầy, lại lo gì thác,
Lần hôm mai đổi khác hình-dung,
Cửa thưa dẫu ngựa vắng không,
Thân già mới kết bạn cùng khách thương.
Khách trọng lợi khinh đường sa-cách,
Mãi buồn chề sớm tịch dậm khơi.
Thuyền không đỗ bến mặc ai,
Quang thuyền giăng sáng nước trôi lạnh lùng.
Canh khuya chợt nhớ vòng tuổi trẻ,
Lệ chứa chan hoen vẽ phấn son,
Nghe đàn ta đã chệnh buồn,
Lại rầu nghe nổi nỉ-non mấy nhời,
Cùng một lứa bên giờ lẳng-đẳng,
Gặp gỡ nhau lọ sẵn quen nhau,
Từ xa Kinh-khuyết bấy lâu,
Tầm dương dất chích, gối sầu ôm mai.
Chốn cung-tịch biết ai vui với,
Tai chẳng nghe đàn thổi cả năm,
Sông Bồn gần chốn cát lằm,
Lau già, trúc cối âm-sâm quanh hiên.
Tiếng chi đó, nghe liền sớm tối,
Quyên kêu than, vượn nói véo-von,
Hoa xuân nở, nguyệt thu tròn,
Lần lần tay chuốc chén son ngập-ngừng,
Há chẳng có sáo dưng hát núi,
Rọng liu lo nhiều nổi khó nghe,
Ti bà nghe dạo đêm khuya,

Nhạc tiên đầu đã sớm kề bên tai.
Cặng ngồi lại đàn chơi khúc nữa,
Sẽ vì nàng soạn sửa nhời ca,
Đứng lâu nhường cảm ý ta,
Dồn ngồi giờ ngọn, đàn đà kịp dây,
Bực, rầu rĩ khác tay đàn rước,
Trong tiệc hoa thôn nước lệ rơi,
Lệ ai chan chứa hơn ai,
Giông-châu Tư-mã, đượm mùi áo xanh.



CHUNG



Có dâng Hoàng-Thượng và
trình phủ Thống Sứ